

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 2:

Biểu 2-1: Kết quả hoạt động KH&CN&ĐMST giai đoạn 2021-2025.

Biểu 2-2: Kết quả hoạt động KH&CN&ĐMST nổi bật giai đoạn 2021-2025.

Biểu 2-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Biểu 2-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu 2-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN giai đoạn 2021-2025.

Biểu 2-6: Văn bản quản lý nhà nước về KH&CN, ĐMST được ban hành giai đoạn 2021-2025.

Biểu 2-7: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021-2025.

Phụ lục 3:

Biểu 3-1: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2026.

Biểu 3-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ĐMST&CĐS cấp bộ, tỉnh năm 2026.

Biểu 3-3: Tình hình thực hiện và giải ngân kinh phí KH&CN, ĐMST&CĐS năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương.

Biểu 3-4: Dự kiến kinh phí KH&CN, ĐMST&CĐS năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương

Biểu 3-5: Tình hình thực hiện và giải ngân kinh phí KH&CN, ĐMST&CĐS năm 2025 các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Biểu 3-6: Dự kiến kinh phí KH&CN, ĐMST&CĐS năm 2026 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phụ lục 4:

Biểu 4-1: Tổng hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương.

Biểu 4-2: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương.

Biểu 4-3: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương) năm 2026 của các Bộ, cơ quan trung ương.

Biểu 4-4: Tổng hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Biểu 4-5: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2026 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Biểu 4-6: Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương) năm 2026 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học	Boiee		<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus</i>
1	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng nho nguyên liệu chế biến rượu vang của nông hộ tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ- TS. Phan Công Kiên	Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp điều tra xã hội học, sử dụng chọn mẫu phi ngẫu nhiên thuận tiện với 200 hộ và phương pháp phân tích thống kê mô tả, phân tích hiệu quả tài chính và hàm Logit. Kết quả cho thấy, hiệu quả kinh tế của mô hình liên kết cao hơn mô hình truyền thống, giá bán cao hơn 1.210 đồng/kg quả nho, doanh thu cao hơn 3.395.000 đồng/1000 m ² /2 vụ so với mô hình truyền thống. Lợi nhuận/tổng chi phí của mô hình truyền thống là 2,629 lần; mô hình liên kết là 2,848 lần. Các yếu tố tác động ảnh hưởng đến quyết định chọn mô hình trồng liên kết nho nguyên liệu chế biến của nông dân là: mức độ hiểu biết hợp đồng bao tiêu sản phẩm nho nguyên liệu, tham gia tập huấn, tiếp cận thị trường đầu ra, chênh lệch giá bán nho, chênh lệch chi phí đầu tư sản xuất, tài chính, giống mới và trình độ học vấn; trong đó yếu	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam – Số 01 (122)/2021

			tổ về mức độ hiểu biết hợp đồng bao tiêu sản phẩm nho nguyên liệu có tác động mạnh nhất.	
2	Nghiên cứu sử dụng một số chất trợ lắng nhằm làm trong dịch rượu vang nho	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ- TS. Phan Công Kiên	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ đã tuyển chọn được giống nho NH02-37 và NH02-97 làm nguyên liệu chế biến rượu vang trắng và vang đỏ. Để hoàn thiện quy trình sản xuất rượu vang trắng và rượu vang đỏ từ các loại nguyên liệu nho này, cần thiết phải nghiên cứu đưa ra một số giải pháp ổn định độ bền keo của sản phẩm để đảm bảo cho sản phẩm rượu vang có được độ trong ổn định nhất trong quá trình lưu thông. Một trong số đó là sử dụng chất trợ lắng để làm trong cữong bức rượu vang non sau khi lên men. Nghiên cứu đã chọn được loại chất trợ lắng, nồng độ sử dụng và thời gian thích hợp nhằm rút ngắn thời gian làm trong rượu vang. Kết quả đã xác định được bentonit là chất làm trong hiệu quả nhất trong việc hấp phụ protein, polyphenol và tạo cho rượu vang non có độ trong tốt nhất đối với cả vang trắng và đỏ, nhờ vậy rút ngắn được thời gian làm trong và nâng cao độ bền keo cho sản phẩm. Nồng độ bentonit phù hợp nhất để xử lý rượu vang là 1g/l, đối với vang đỏ và 0,6 g/l đối với vang trắng, thời gian xử lý là 24 giờ.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam – Số 04 (125)/2021
3	Nghiên cứu quá trình xử lý thu dịch quả nho phù hợp cho lên men rượu vang	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ- TS. Phan Công Kiên	Xử lý dịch quả nho bằng enzyme trước khi lên men là một công đoạn quan trọng trong công nghệ sản xuất rượu vang. Nghiên cứu nhằm lựa chọn loại enzyme, nồng độ, ngưỡng nhiệt độ và thời gian xử lý phù hợp đến quá trình thu hồi dịch quả nho. Thí nghiệm được thực hiện trên hai giống nho	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam – Số 04 (125)/2021

			<p>NH02-97 và NH02-37 trồng tại Ninh Thuận với 3 lần lặp. Kết quả nghiên cứu đã xác định công thức xử lý kết hợp hai loại enzyme (Pecinex SPL và Pectinex Ultra Clear) cho hiệu suất thu hồi cao nhất; dịch quả có chất lượng cảm quan tốt nhất về hương vị, màu sắc và độ bền keo. Dịch quả nho đỏ xử lý kết hợp bằng enzyme Pecinex SPL nồng độ 0,03% ở nhiệt độ 30 - 40o C trong thời gian 120 phút và enzyme Pectinex Ultra Clear nồng độ 0,25% ở nhiệt độ 40 - 60o C trong thời gian 60 phút là phù hợp nhất. Dịch quả nho trắng xử lý kết hợp bằng enzyme Pecinex SPL nồng độ 0,02% ở nhiệt độ 30 - 40o C trong thời gian 120 phút và Enzyme Pectinex Ultra Clear nồng độ 0,2% ở nhiệt độ 40 - 60o C trong thời gian 60 phút là phù hợp nhất</p>	
4	<p>Characterization of Enterobacter cloacae That Causes Bacterial Soft Rot Disease of Aloe vera in Vietnam</p>	<p>Đại học Nguyễn Tất Thành Thi Nha Nguyen, Thanh Viet Nguyen, Thi Cam Nguyen Ho, Huynh Phuong Thao Ngo, Hong Minh Nguyen, VanPhan Le, Maytiya Konkrit, Van Thai Than</p>	<p>Bệnh thối nhũn do vi khuẩn là một bệnh quan trọng của nha đam, ảnh hưởng đến cả chất lượng cũng như số lượng sản phẩm cây trồng. Trong nghiên cứu này, Enterobacter cloacae (E. cloacae) được ghi nhận là tác nhân sinh học chính gây bùng phát bệnh thối nhũn vi khuẩn trên cây nha đam ở Việt Nam. Các triệu chứng điển hình của bệnh xuất hiện trên cây trồng bao gồm các vết bệnh bị úng nước, chuyển sang màu vàng-nâu, hình thành khí, thối rữa và xẹp xuống ở gốc lá. Trên cơ sở đặc điểm sinh học của các chủng nghiên cứu, vi khuẩn gây bệnh cho cây nha đam được xác định là E. cloacae. Phân tích trình tự DNA của gen mã hóa 16S rRNA của ba chủng phân lập được xác định là E. cloacae có mức tương đồng là</p>	<p>International journal of Agriculture & Biology</p>

			<p>97,3–98,0%. Tương tự như vậy, các gen housekeeping, bao gồm hsp60, fusA và leuS, chỉ ra rằng chúng có mặt trong <i>E. cloacae</i>. Phân tích phát sinh loài dựa trên trình tự DNA của gen hsp60 cho thấy những gen này thuộc cụm XI cùng với các chủng <i>E. cloacae</i> (tức là ATCC-13047, EN-475 và EN-287). Hơn nữa, xét nghiệm bệnh học cho thấy rằng sự lây nhiễm của các cây khỏe mạnh với các chủng vi khuẩn đã được xác định sẽ gây ra các triệu chứng của bệnh thối nhũn trên cây nha đam (<i>Aloe vera</i>) trong điều kiện đồng ruộng. Nghiên cứu này là báo cáo đầu tiên về vi khuẩn <i>E. cloacae</i> được xác định là một loại vi khuẩn gây bệnh mới gây bùng phát bệnh thối nhũn trên cây nha đam. Phân tích sâu hơn sẽ tập trung vào nguồn gốc, sinh bệnh học và hệ thống kiểm soát thiết yếu của bệnh.</p>	
5	<p>Hiệu lực phòng trừ của một số tác nhân đối kháng sinh học và hoạt chất hóa học đối với nấm <i>Alternaria</i> sp. gây bệnh đóm lá nha đam trồng tại Ninh Thuận trong điều kiện in vitro và nhà màng</p>	<p>Đại học Nguyễn Tất Thành Trần Thị Quý, Hồ Thị Cẩm Nguyên, Nguyễn Thị Nhã</p>	<p>Đóm lá nha đam do nấm <i>Alternaria alternata</i> gây ra là một bệnh khá phổ biến ở các ruộng nha đam tỉnh Ninh Thuận, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và năng suất, dẫn đến giảm giá trị kinh tế của loài cây này. Các tác nhân đối kháng sinh học (<i>Trichoderma viride</i>, <i>Chaetomium cupreum</i>, <i>Bacillus subtilis</i>) và hoạt chất bảo vệ thực vật hóa học (<i>Diniconazole</i>, <i>Metaxyl M + Mancozeb</i>, <i>Mancozeb + Cymoxanil</i>) đã được sử dụng để thử nghiệm hiệu lực phòng trừ nấm <i>Alternaria alternata</i> trong điều kiện in vitro và trong nhà màng. Kết quả cho thấy, <i>Trichoderma viride</i> và <i>Chaetomium cupreum</i> ức chế hoàn toàn sự sinh trưởng sợi nấm <i>Alternaria alternata</i> sau 7 ngày nuôi</p>	<p>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam</p>

			<p>cây trong điều kiện in vitro và trong điều kiện nhà màng hiệu quả phòng trừ lần lượt đạt 60,52% và 42,17%; <i>Bacillus subtilis</i> cho hiệu quả phòng trừ kém cả trong điều kiện in vitro và trong nhà màng. Hoạt chất Diniconazole và tổ hợp Metalaxyl M + Mancozeb đều ức chế mạnh sinh trưởng sợi nấm trên môi trường thạch; tương tự, trong điều kiện nhà màng cũng cho hiệu quả phòng trừ cao, đạt lần lượt 79,51% và 67,05% sau 14 ngày xử lý. Ngược lại, hỗn hợp Mancozeb + Cymoxanil trong điều kiện in vitro và nhà màng đều cho hiệu quả phòng trừ thấp.</p>	
6	<p>Research on the effects of temperature, salinity and nutrition to the growth of the <i>Betaphycus gelatinus</i> (Esper) Doty.</p>	<p>Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang Vo Thanh Trung, Tran Van Huynh, Tran Mai Duc, Le Trong Nghia, Pham Duc Hung</p>	<p><i>Betaphycus gelatinus</i> (Esper) Doty (Rong Hồng vân) là một loại rong đỏ đã được sử dụng làm thực phẩm và nguyên liệu carrageenan. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của rong Hồng vân là cần thiết. Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện sinh trưởng tốt của rong Hồng vân là nhiệt độ 270C, độ mặn 30‰, bổ sung môi trường PES hoặc Nitrat-phosphat. Kết quả này có ý nghĩa cung cấp cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phục hồi rong Hồng vân tại Ninh Thuận, hiện đang bị khai thác quá mức và có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng.</p>	<p>Academia Journal of Biology,</p>
7	<p>Optimization of extraction of carrageenan from red seaweed <i>Betaphycus gelatinus</i> by response surface methodology</p>	<p>Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang Tran Thi Thanh Van, Dang Xuan Cuong, Vo Thi Tuyet, Tran Mai Duc, Cao Thi Thuy Hang, Vo Mai Nhu Hieu, Thanh Thi Thu Thuy</p>	<p>Sử dụng phương pháp đáp ứng bề mặt (RSM) dựa trên mô hình thí nghiệm Box-Behnken để tối ưu hóa điều kiện chiết carrageenan có hiệu suất cao và đánh giá đặc điểm hóa học của chúng. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất chiết carrageenan như nhiệt độ chiết (60-100°C), thời gian chiết</p>	<p>VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology</p>

			(30-180 min) và tỷ lệ lỏng-rắn (1:39, g/mL) được tối ưu hóa để thu được hiệu suất chiết polysaccharide cao nhất. Điều kiện chiết tối ưu như sau: nhiệt độ chiết: 70°C, thời gian chiết: 150 phút và tỷ lệ dung môi trên nguyên liệu: 39/1 (v/w). Tại điều kiện chiết này, hiệu suất chiết là 83,68 %, với dự đoán mô hình phù hợp có hệ số xác định R2 là 0,992. Như vậy mô hình này có thể áp dụng cho việc tối ưu hóa quá trình chiết polysaccharide từ rong biển. Carrageenan chiết từ rong <i>Betaphycus gelatinus</i> là hỗn hợp β -carrageenan, κ -carrageenan, γ -carrageenan và ι -carrageenan.	
8	Nghiên cứu sự thay đổi của hàm lượng và chất lượng carrageenan theo tháng từ rong đỏ <i>Betaphycus gelatinus</i>	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang Lê Trọng Nghĩa, Lê Đình Hùng, Trần Văn Huỳnh, Trần Mai Đức, Vũ Thị Mơ, Đặng Xuân Cường, Võ Thành Trung, Huỳnh Thị Hồng Trang	Rong đỏ <i>Betaphycus gelatinus</i> là loài rong có giá trị cao, được thị trường ưa chuộng, được khai thác tự nhiên và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng do tình trạng khai thác quá mức. Rong được thu hàng tháng trong khoảng thời gian thu hoạch theo kinh nghiệm dân gian (tháng 3 – tháng 5) ở Ninh Thuận, Việt Nam nhằm đánh giá sự thay đổi về hàm lượng, thành phần carrageenan (3,6-anhydrogalactose, sulfate và loại carrageenan), từ đó đưa ra được thời điểm thu hoạch thích hợp cho loài rong này. Hàm lượng carrageenan chiết tự nhiên tăng dần từ 68,4 – 73,1 %, hàm lượng 3,6-anhydrogalactose dao động từ 22,9 – 24,8 %, hàm lượng sulfate tăng dần từ 18 – 20,6 % trong các tháng 3, 4, 5/2021. Các kết quả đạt được gợi ý rằng giai đoạn thu hoạch từ tháng 3 đến tháng 5/2021 là giai đoạn rong trưởng thành và đạt được hàm lượng và chất lượng carrageenan cao nhất. Kết quả các dải	Tạp chí khoa học Đại học Khánh Hòa

			hấp thụ từ phổ hồng ngoại cho thấy mẫu carrageenan chiết tự nhiên từ rong đỏ <i>B. gelatinus</i> thu hoạch ở tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam là hỗn hợp của kappa- và beta-carrageenan	
9	Ứng dụng công nghệ cao trồng hai giống nho NH01-48 và NH01-152 trong nhà màng tại Ninh Thuận	Viện nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phạm Trung Hiếu, Phan Công Kiên, Phạm Văn Phước, Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Nại Thanh Nhân, Võ Minh Thư	Nho là cây trồng đặc thù có hiệu quả kinh tế cao tại Ninh Thuận. Hai giống nho chất lượng cao NH01-48 và NH01-152 có nhiều triển vọng cho trồng nho trong nhà màng ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng và hiệu quả. Nghiên cứu trồng 2 giống nho trong 3 loại nhà màng được thiết kế khác nhau tại Nha Hồ. Theo dõi, đánh giá sinh trưởng, năng suất, chất lượng nho được thực hiện trong 2 vụ thu hoạch từ năm 2020 đến năm 2021. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 2 giống nho sinh trưởng phát triển tốt hơn khi trồng trong 2 loại nhà màng thiết kế mái di động, hệ thống điều khiển khí hậu và nhà màng thiết kế chữ Y theo hàng, có mái che, lưới cuốn xung quang phù hợp với điều kiện khí hậu khô nóng và gió lớn tại Ninh Thuận so với kiểu nhà màng truyền thống. Trồng trong nhà màng cải tiến đã giúp tăng khả năng đậu quả (ít bị sập, khô bông) do ảnh hưởng nhiệt độ cao, giảm ảnh hưởng của mưa trong mùa mưa. Hai giống NH01-48 và NH01-152 có năng suất tương ứng từ 32,9 - 35,6 tấn và 18,6 - 20,6 tấn/ha/2 vụ/năm; chất lượng quả nho cao (Brix > 16%, thịt quả chắc); lợi nhuận từ 1,30 - 1,38 tỷ đồng/ha/năm và 1,87 - 1,92 tỷ đồng/ha/năm đầu thời kỳ kinh doanh.	Tạp chí Khoa học và công nghệ Nông nghiệp Việt Nam
10	Bệnh phấn trắng (<i>Oidium erysipoides</i>) hại táo và hiệu	Viện nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ	Cây táo tại vùng Nam Trung bộ. Năm 2020 và 2021, đã nghiên cứu về mức độ phổ biến,	Kỷ yếu Quốc gia Hội bệnh hại thực vật Việt Nam năm

	lực một số loại thuốc trừ bệnh tại Nam Trung Bộ	Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Phan Công Kiên, Trần Thị Hồng. Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Phan Công Kiên, Trần Thị Hồng.	diễn biến bệnh và khảo nghiệm để xác định thuốc có hiệu quả cao trừ bệnh hại trên cây táo tại các tỉnh Nam Trung bộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bệnh phấn trắng gây hại trên cây táo trong suốt cả năm ở hầu khắp các vùng trồng táo tại Nam Trung bộ. Bệnh phấn trắng gây hại chủ yếu trên quả non và lá táo. Bệnh hại nặng từ khi quả táo còn non, đặc biệt trong các tháng mùa mưa. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được 5 loại thuốc Manage 5WP (Imibenconazole), Validad 100SL (Validamycin A), Novinano 55WP (Kasugamycin + Streptomycin sulfate), Abi Kentomium (Chatomium sp.) và Abi PS (Pseudomonas fluorescens) có hiệu lực cao trừ bệnh phấn trắng hại táo.	2022
11	Kết quả nghiên cứu biện pháp kỹ thuật canh tác táo phù hợp trong điều kiện khô hạn tại tỉnh Ninh Thuận	Viện nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Trần Thị Hồng, Nguyễn Văn Sơn, Phạm Mỹ Liên	Mặc dù cây táo được coi là cây trồng đặc thù của tỉnh Ninh Thuận nhưng các nghiên cứu về canh tác cây táo tại địa phương vẫn còn rất hạn chế, đặc biệt là các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện khô hạn vốn được coi là một trong những trở ngại rất đáng kể tại địa phương. Bài viết này đề cập đến tác động của 8 loại chế phẩm phun lá cho cây táo bao gồm Flower 94, Kali Boron, NDX- Superphos, Haifa Map, Nyro 0.01SL, Multi K Gold, Canxi Bo, Huco cùng với kỹ thuật khoan cành đến năng suất và chất lượng cây táo. Kết quả cho thấy các loại phân Multik Gold, Hugo và Kali Boron làm tăng khả năng đậu quả và khối lượng quả dẫn đến năng suất tăng lên đáng kể, (tương ứng là 65,8 tấn/ha, 61,5 tấn/ha và 59,6 tấn/ha) với độ ngọt ở mức khá cao (hàm lượng TSS của quả táo tương ứng 12,1, 11,9	Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam, số 6(139)/2022, trang 31-37

			<p>và 11,9 độ Brix). Với kỹ thuật khoan cành, áp dụng vào thời điểm cây táo ra hoa rộ, tỷ lệ đậu quả và năng suất cũng được cải thiện tương đối rõ (52 tấn/ha so với 23,5 tấn/ha ở công thức đối chứng, không tác động) mặc dù khối lượng quả có xu hướng thấp hơn chút ít (70,8 - 72,2 g/quả so với 79,6 g/quả ở công thức đối chứng).</p>	
12	Xác định khoảng cách gieo trồng thích hợp cho giống bắp nếp bản địa mới phục tráng tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Viện nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phạm Trung Hiếu, Nguyễn Thị Hồng Hoa, Nguyễn Văn Sơn, Trịnh Thị Vân Anh, Trần Văn Thịnh, Phan Công Kiên Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Trần Thị Hồng, Võ Thị Kim Trâm	Nghiên cứu nhằm xác định khoảng cách gieo trồng thích hợp cho giống bắp nếp bản địa mới phục tráng đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao trên đất đồi trồng nhờ nước trời tại Bác Ái, Ninh Thuận. Thí nghiệm được tiến hành trong vụ Thu Đông năm 2021 và bố trí theo kiểu lô chính, lô phụ. Lô chính là ba khoảng cách hàng: 65 cm, 70 cm (đối chứng) và 75 cm, lô phụ là 3 khoảng cách cây: 20 cm, 25 cm (đối chứng) và 30 cm. Kết quả cho thấy, đối với giống bắp nếp bản địa mới phục tráng trồng với khoảng cách 65 cm kết hợp với khoảng cách cây 20 cm là tối ưu nhất cho năng suất bắp tươi không lá bị thực thu đạt 8,5 tấn/ha; năng suất thân lá tươi 23,6 tấn/ha, lợi nhuận 65,19 triệu đồng/ha và tỷ suất lợi nhuận là 1,68 lần.	Tạp chí KH&CN Ninh Thuận, số 43/2022, trang 25-33
13	Đánh giá khả năng kháng bệnh thán thư của một số giống nho tại Ninh Thuận	Viện nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Trần Thị Hồng, Võ Thị Kim Trâm	Bệnh thán thư trên cây nho do nấm <i>Colletotrichum gloeosporioides</i> gây ra, bệnh thán thư gây hại rất nặng trong điều kiện vụ mưa tại khu vực Nam Trung bộ. Hiện nay biện pháp quản lý bệnh thán thư trên cây nho tại Nam Trung bộ chủ yếu là biện pháp hoá học nên hiệu quả chưa cao. Do đó, việc nghiên cứu lựa chọn được giống nho có khả năng kháng bệnh thán thư tốt để phục vụ cho sản xuất đã được thực hiện. Từ việc kế	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

			<p>thừa các nghiên cứu trước, chúng tôi đã chọn ra các giống có khả năng kháng bệnh thân thư tốt nhất để đánh giá so sánh với giống NH01- 64 đang được trồng phổ biến tại Nam Trung bộ. Qua quá trình nghiên cứu khả năng kháng bệnh trong điều kiện lây bệnh nhân tạo và ngoài đồng ruộng cho thấy, giống nho NH01-26 và NH01-126 có khả năng kháng bệnh thân thư tốt nhất trong các giống được nghiên cứu. Giống nho NH01-26 và NH01-126 kháng bệnh thân thư tốt hơn giống nho NH01-64 đang được trồng phổ biến tại Nam Trung bộ.</p>	
14	<p>Diễn biến hạn nông nghiệp trên địa bàn tỉnh ninh thuận giai đoạn 1991-2019</p>	<p>Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi Trần Đăng An, Hà Nam Thăng</p>	<p>Hạn hán tại khu vực Nam Trung Bộ nói chung và trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nói riêng diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất trong khu vực. Nghiên cứu này trình bày phương pháp và kết quả phân tích sự thay đổi các đặc trưng hạn nông nghiệp dựa trên chỉ số NDVI và VSDI tại khu vực tỉnh Ninh Thuận từ năm 1991 đến 2019. Các chỉ số hạn nông nghiệp này được tính toán dựa vào dữ liệu ảnh viễn thám Landsat thu thập từ 6 thời điểm diễn ra sự kiện hạn hán trên địa bàn khu vực nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, đối với hạn nông nghiệp tính cho giai đoạn 1991 - 2019, tỉnh Ninh Thuận thường xuyên hứng chịu các đợt hạn hán từ mức độ khá hạn đến hạn cực kì nặng. Diện tích khá hạn đến hạn cực nặng chiếm thường xuyên từ 15,7% - 28% gây lãng phí tài nguyên đất và có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, sinh sống của người dân. Đặc trưng hạn do chỉ số VSDI tính toán hoàn toàn tương đồng với</p>	

			chỉ số NDVI và số liệu thống kê hạn tại tỉnh Ninh Thuận trong giai đoạn nghiên cứu. Chỉ số VSDI dễ dàng trong thực nghiệm tính toán và có thể áp dụng rộng rãi trong tương lai	
15	Tích hợp dân ca Chăm vào chương trình giáo dục địa phương dành cho cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Tích hợp các bài hát dân ca Chăm vào dạy học phần Giáo dục địa phương cũng như trong học tập chính khóa, ngoại khóa đã đem lại hiệu quả cho HS; giúp cho quá trình học của các em trở nên hấp dẫn hơn, tạo hứng thú trong học tập, hiểu bài sâu sắc. Dạy học tích hợp trong hoạt động này không chỉ kích lệ tính độc lập, sáng tạo mà còn giúp các em trở thành chủ thể của hoạt động học, phải tự học, tự nghiên cứu để có được những kiến thức, hiểu biết về giá trị văn hóa của quê hương nơi sinh ra và lớn lên. Từ đó các em sẽ có những hành động tốt của chính bản thân đối với quê hương. Có thể thấy, giáo dục văn hóa địa phương là một môn học rấy ý nghĩa, việc tích hợp dạy hát hoặc giới thiệu các bài dân ca địa phương lồng vào chủ đề sẽ mang tính hấp dẫn và giúp HS giàu vốn hiểu biết của quê hương. Bởi các bài dân ca Chăm luôn gắn với cuộc sống hàng ngày, trong lao động, sinh hoạt với những phong tục tập quán. Các em được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, được quan sát, thấu hiểu, khám phá những điều chưa rõ về quê hương.	
16	Con đường bảo tồn và phát triển nghệ thuật dân ca Chăm	Đại học Đà Nẵng Lê Hùng Tiến	Trong giai đoạn hiện nay, xã hội Chăm đang có những thay đổi cơ bản hòa theo tiến trình phát triển của đất nước, nền tảng của những sinh hoạt nghi lễ và các thể loại ca hát	Tạp chí Giáo dục và Xã hội

			<p>truyền thống, trong đó có dân ca Chăm đang bị chi phối bởi những ảnh hưởng từ bên ngoài, không gian xưa cũng ít nhiều bị đô thị hóa, tạo cho người dân tại các làng Chăm tư tưởng hướng ngoại theo con lối thị trường. Hơn nữa, sự phá vỡ không gian cổ truyền đang làm mất dần những phương thức ứng xử truyền thống của người Chăm với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó e ngại rằng người Chăm sẽ dần dần đánh mất bản sắc độc đáo của riêng mình. Vì thế, trọng trách bức thiết của những người làm công tác quản lý tại vùng cư trú của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận nói riêng và những người làm công tác nghiên cứu văn hóa dân gian Chăm ở miền Trung và miền Nam Đông bộ nói chung là vận dụng nhiều biện pháp khả thi để giải quyết thực trạng nêu trên nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của âm nhạc dân gian Chăm, đặc biệt là dân ca Chăm trong giai đoạn hiện thời.</p>	
17	<p>Ứng dụng công nghệ cao trồng hai giống nho NH01-48 và NH01-152 trong nhà màng tại Ninh Thuận</p>	<p>Viện nghiên cứu nông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phạm Trung Hiếu, Phạm Văn Phước, Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Nại Thanh Nhân, Võ Minh Thư Mai Văn Hào, Phạm Trung Hiếu, Phạm Văn Phước, Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Nại Thanh Nhân, Võ Minh Thư</p>	<p>Nho là cây trồng đặc thù có hiệu quả kinh tế cao tại Ninh Thuận. Hai giống nho chất lượng cao NH01-48 và NH01-152 có nhiều triển vọng cho trồng nho trong nhà màng ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế. Nghiên cứu trồng 2 giống nho tiến hành trong 3 loại nhà màng được thiết kế khác nhau tại Nha Hồ. Theo dõi, đánh giá sinh trưởng, năng suất, chất lượng nho được thực hiện trong 2 vụ thu hoạch từ năm 2020 đến năm 2021. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 2 giống nho sinh trưởng và phát triển tốt hơn khi trồng trong</p>	<p>Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam, số 2(135)/2022, trang 10-18</p>

			<p>2 loại nhà màng thiết kế mái di động, hệ thống điều khiển khí hậu (nhà màng 1) và nhà màng thiết kế chữ Y theo hàng, có mái che, lưới cuốn xung quanh (nhà màng 3) phù hợp với điều kiện khí hậu khô nóng và gió lớn tại Ninh Thuận so với kiểu nhà màng truyền thống. Trồng trong nhà màng cải tiến đã giúp tăng khả năng đậu quả (ít bị sập, khô bông) do ảnh hưởng nhiệt độ cao, giảm ảnh hưởng của mưa trong mùa mưa. Hai giống NH01-48 và NH01-152 có năng suất tương ứng từ 32,9 - 35,6 tấn và 18,6 - 20,6 tấn/ha/2 vụ/năm; chất lượng quả nho cao (Brix > 16%, thịt quả chắc); lợi nhuận từ 1,30 - 1,38 tỷ đồng/ha/năm và 1,87 - 1,92 tỷ đồng/ha/năm đầu thời kỳ kinh doanh.</p>	
18	<p>Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng quả các giống táo triển vọng tại vùng Nam Trung bộ</p>	<p>Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Trần Thị Hồng, Nguyễn Văn Sơn</p>	<p>Kết quả nghiên cứu đã tuyển chọn được các giống táo có triển vọng (trong đó nổi bật nhất là TN05 và TN01) để góp phần đa dạng hóa cơ cấu giống táo phục vụ sản xuất tại vùng Nam Trung bộ. Thí nghiệm bao gồm 7 giống táo, được theo dõi đánh giá trong thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020. Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ tại xã Nhơn Sơn, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà. Kết quả đánh giá cho thấy, các giống táo TN05 và TN01 có khả năng sinh trưởng tốt, phổ thích nghi rộng, thời gian sinh trưởng từ cắt cành đến thu hoạch từ 158,6 - 163,2 ngày, giống có khối lượng quả lớn, trung bình trên 79,3 g, năng suất bình quân đạt trên 45 tấn/ha/năm từ năm thứ 3 sau trồng, tổng chất rắn hoà tan 12 °Brix,</p>	<p>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2023; trang 96-103; ISSN 1859-4581</p>

			giòn, ít nhót. Hiện nay, các giống táo này đang được trồng phổ biến và phát huy tốt hiệu quả trong sản xuất tại các tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa.	
19	Kết quả bình tuyển cây đầu dòng táo bom TN01 tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Nguyễn Văn Sơn, Phạm Mỹ Liên	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ đã đánh giá, bình tuyển và chọn được 50 cá thể táo bom TN01 trồng tại thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Dựa vào các tiêu chí để tuyển chọn cây đầu dòng như: tuổi cây, sinh trưởng khỏe, năng suất và chất lượng ổn định (khối lượng quả, độ brix, tỷ lệ ăn được...), ít nhiễm sâu bệnh hại; Viện đã chọn ra được 05 cá thể mang ưu tú mã số TN01-8, TN01-15, TN01-21, TN01-32, TN01-38 làm cây đầu dòng. Các cá thể tuyển chọn cây đầu dòng được nhân giống bằng phương pháp ghép mắt, có tuổi cây là 13-15 năm tuổi, quả dạng hình trứng, vỏ quả có màu xanh vàng, nhẵn; thịt quả có màu trắng, giòn, ít nhót, có vị thơm ngon đặc trưng của giống táo bom. Cá thể tuyển chọn có năng suất thực thu trung bình từ 125,2 - 131,6 kg/cây/năm; khối lượng quả trung bình từ 115,8 - 128,0 g/quả; độ brix 12,8 - 13,3%; và tỉ lệ ăn được từ 95,4 - 96,1%; được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận công nhận là cây đầu dòng tại Quyết định số 540/QĐ-SNNPTNT ngày 29/12/2022.	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, 2023
20	Kết quả tuyển chọn giống nho không hạt NH04-102 chất lượng cao tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ Phạm Văn Phước, Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Võ Minh Thu,	Tuyển chọn giống nho không hạt NH04-102 chất lượng cao tại Ninh Thuận. Nội dung và phương pháp thực hiện gồm: 1) Đánh giá, lựa chọn các giống nho không hạt có triển vọng, bố trí tuần tự, không nhắc lại; 2) khảo	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, 2023

		Nguyễn Thị Liễu, Nguyễn Thị Thủy Hằng	<p>nghiệm một số giống nho không hạt có triển vọng, bố trí thí nghiệm theo kiểu khối đầy đủ hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD), nhắc lại 3 lần. Thí nghiệm được thực hiện từ năm 2018 đến năm 2022 tại xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Kết quả nghiên cứu đã chọn được giống NH04-102 thích nghi với điều kiện canh tác tại Ninh Thuận: có thời gian sinh trưởng từ cắt cành đến thu hoạch 122 -130 ngày; khối lượng chùm lớn (352,5 - 362,9 g), năng suất thực thu từ 12,8 đến 15,6 tấn/ha/vụ; có chất lượng tốt (Brix > 17%), không hạt, thịt quả chắc, có mùi vị đặc trưng, dạng quả thon dài hình ngón tay, quả chín có màu tím đen, mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.</p>	
21	Nghiên cứu quy trình công nghệ canh tác, thu hái và bảo quản măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ Nguyễn Văn Sơn, Phạm Trung Hiếu, Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Nguyễn Văn Chính, Trịnh Thị Vân Anh, Lê Minh Khoa	<p>Quy trình được thực hiện dựa trên kết quả từ việc đánh giá, tổng hợp, kế thừa các kết quả nghiên cứu và thực tế canh tác, thu hái và bảo quản măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao trong và ngoài nước, đặc biệt dựa kết quả nghiên cứu của dự án “Sản xuất thử nghiệm rau măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu tại khu vực Nam Trung bộ” giai đoạn từ năm 2018 - 2020 và đề tài “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thâm canh cây măng tây theo hướng công nghệ cao tại Ninh Thuận” thực hiện từ năm 2018 - 2020. Kết quả: (1) Xác định được bộ giống măng tây xanh và các biện pháp canh tác măng tây xanh nhằm hoàn thiện quy trình công nghệ canh tác măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao; (2) Nghiên cứu kỹ thuật thu hái và bảo quản măng tây xanh nhằm hoàn thiện quy trình kỹ</p>	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, 2023

			<p>thuật thu hái và bảo quản măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao; (3) Xây dựng mô hình áp dụng quy trình canh tác, thu hái và bảo quản măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao tại Nam Trung bộ (Ninh Thuận, Khánh Hoà và Quảng Ngãi) giúp tăng năng suất từ -3,1 - 33,1% so với đối chứng canh tác của người dân trên ruộng trồng mới; đồng thời kéo dài thời gian bảo quản măng tây thương phẩm được lên đến 25 ngày. Còn trên các vườn măng tây kinh doanh giúp tăng năng suất từ 22,2 - 29,5% so với đối chứng canh tác của nông dân; đồng thời kéo dài thời gian bảo quản măng tây thương phẩm được từ 20 - 25 ngày. Quy trình đã được công nhận là TBKT theo Quyết định số 346/QĐ-TT-CLT, ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Cục Trồng trọt - Bộ NN và PTNT.</p>	
22	<p>Khảo nghiệm một số giống nho ăn tươi có triển vọng tại Ninh Thuận và Bình Thuận</p>	<p>Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Phạm Văn Phước, Phan Văn Tiêu, Nại Thanh Nhân, Đỗ Ty, Võ Minh Thư, Phạm Trung Hiếu</p>	<p>Khảo nghiệm một số giống nho ăn tươi có triển vọng tại Ninh Thuận và Bình Thuận. Thí nghiệm được thực hiện trong vụ Đông Xuân 2020/21 và Hè Thu 2021 tại 3 vùng sinh thái Nhơn Sơn, Tuy Phong và Mỹ Sơn. Thí nghiệm gồm 8 giống nho có triển vọng và 2 giống đối chứng Cardinal và NH01-48, bố trí thí nghiệm theo kiểu RCBD, nhắc lại 4 lần. Kết quả đã chọn được 2 giống nho có nhiều tính trạng tốt là NH01-152 và NH16-1. Giống NH01-152 có thời gian từ cắt cành đến thu hoạch lá 124,7 – 130,5 ngày, quả to (6,3-6,9 g/quả), khối lượng chùm to (482,1 – 536,0 g/chùm) năng suất thực thu đạt 12,8 – 15,7 tấn/ha/vụ và chất lượng quả tốt (Brix >16,6%). Giống nho NH01-16 có thời gian từ cắt cành đến thu hoạch 94,6 – 97,0 ngày,</p>	<p>Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, 2023</p>

			khối lượng quả từ 5,4-6,1 g, khối lượng chùm từ 319,9 – 357,9 g, năng suất thực thu (14,2 – 17,9 tấn/ha/vụ) và chất lượng quả tốt (Brix > 16,2%).	
23	Nghiên cứu quy trình công nghệ tích hợp nhân giống măng tây xanh bằng hạt ứng dụng công nghệ cao	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Nguyễn Văn Sơn, Phạm Trung Hiế, Mai Văn Hào, Phan Công Kiên, Nguyễn Văn Chính, Trịnh Thị Vân Anh, Lê Minh Khoa	Quy trình được thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu của dự án “Sản xuất thử nghiệm rau măng tây xanh ứng dụng công nghệ cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu tại khu vực Nam Trung bộ” giai đoạn từ năm 2018 - 2020 và đề tài “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thâm canh cây măng tây theo hướng công nghệ cao tại Ninh Thuận” thực hiện từ năm 2018 - 2020. Kết quả: (1) Xác định được kỹ thuật ngâm ủ giúp nâng cao tỷ lệ nảy mầm và rút ngắn thời gian nảy mầm của hạt giống măng tây; (2) Nghiên cứu kỹ thuật phối trộn giá thể, kích thích bầu ươm và kỹ thuật gieo hạt phù hợp với quy trình công nghệ tích hợp nhân giống măng tây xanh bằng hạt ứng dụng công nghệ cao; (3) Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình chăm sóc (tưới nước, bón phân) phù hợp với quy trình công nghệ tích hợp nhân giống măng tây xanh bằng hạt ứng dụng công nghệ cao (4) Áp dụng quy trình nghiên cứu vào sản xuất mô hình sản xuất cây giống giúp làm tăng tỷ lệ từ 41,4, - 42,1% và giảm thời gian mọc xuống còn 7,3 - 8,0 ngày so với đối chứng gieo hạt trực tiếp. Rút ngắn được thời gian ươm cây giống 42 ngày so với đối chứng, cây sinh trưởng tốt, với các chỉ tiêu về chiều cao cây, số nhánh trên cây, số rễ cấp 1 đạt tiêu chuẩn tại thời điểm xuất vườn. Cây giống khỏe mạnh, không bị sâu bệnh hại với tỷ lệ cây xuất vườn > 95%. Giảm giá thành	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, 2023

			cây giống > 50%. Quy trình đã được công nhận là TBKT theo Quyết định số 346/QĐ-TT-CLT, ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Cục Trồng trọt - Bộ NN và PTNT.	
24	Kết quả phục tráng giống ngô nếp bản địa huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phạm Trung Hiếu, Nguyễn Văn Sơn, Trịnh Thị Vân Anh, Trần Thị Thảo, Võ Thị Xuân Trang, Vũ Thị Dung, Phan Công Kiên, Hà Văn Giới, Lưu Cao Sơn	Giống ngô nếp bản địa huyện Bác Ái được trồng tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận. Giống được phục tráng trong 2 năm từ vụ hè thu năm 2020 đến vụ đông xuân năm 2021. Thông qua kết quả đánh giá các đặc điểm hình thái của các mẫu giống ngô nếp thu thập tại huyện Bác Ái tỉnh Ninh Thuận, tham vấn các hộ nông dân, các cán bộ cơ sở có kinh nghiệm trồng ngô nếp bản địa và kiểm chứng bằng thí nghiệm khảo sát đặc điểm nông sinh học đặc trưng của giống trên đồng ruộng, đã xây dựng bảng mô tả đặc tính nông sinh học của giống ngô nếp bản địa huyện Bác Ái. Phương pháp chọn lọc quần thể cải tiến và chọn lọc bắp trên hàng cải tiến đã được sử dụng để phục tráng giống ngô nếp bản địa huyện Bác Ái trong 3 vụ. Giống ngô nếp bản địa huyện Bác Ái mới phục tráng có thời gian sinh trưởng ngắn, chiều cao cây và chiều cao đóng bắp trung bình, khối lượng 1.000 hạt vừa phải, năng suất cao hơn giống cũ 31,2%.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2023; trang 13-25; ISSN 1859-4581
25	Nghiên cứu xác định hiệu lực phòng trừ ruồi đục quả của một số loại thuốc tại tỉnh Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Phạm Trung Hiếu, Phan Công Kiên, Võ Thị Kim Trâm	Nội dung nghiên cứu được thực hiện trong phòng thí nghiệm và ngoài đồng ruộng năm 2021 tại tỉnh Ninh Thuận. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 4 loại thuốc có hiệu lực phòng trừ ruồi đục quả táo gồm: Lufenuron (Match® 050 EC có hiệu lực 90,1%), tiếp đến là các công thức Abamectin (Abatimec 1.8 EC có hiệu lực 83,3%), Emamectin benzoate (Actimax 50	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2023; trang 51-55; ISSN 1859-4581

			WG có hiệu lực 81,0%) và Chlorantraniliprole (Dupont TMPrevathon 5 SC có hiệu lực 80,6%) sau 14 ngày xử lý. Do đó, trong sản xuất nếu vườn táo bị ruồi đục quả gây hại với tỷ lệ khoảng 5% thì tiến hành sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Lufenuron, Abamectin, Emamectin benzoate và hlorantraniliprole để phòng trừ. Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục thuốc được phép sử dụng tại Việt Nam và được đăng ký sử dụng trên cây táo của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
26	Đánh giá thực trạng và thực nghiệm một số cơ cấu cây trồng trên vùng đất lúa nguy cơ thiếu nước Bình Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Phạm Văn Phước, Võ Minh Thư, Đỗ Ty, Nguyễn Thị Liễu, Đoàn Thanh Mạnh, Nguyễn Đức Xuân Chương, Hồ Thị Xuân Quỳnh	Đánh giá thực trạng sản xuất và thử nghiệm một số cơ cấu cây trồng trên vùng đất lúa có nguy cơ thiếu nước tại huyện Tánh Linh và Đức Linh, tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu là rất cần thiết. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp điều tra khảo sát và thực nghiệm mô hình, thời gian nghiên cứu từ năm 2020-2022. Kết quả cho thấy, cơ cấu cây trồng ở vụ đông xuân phong phú: cây trồng cạn (ngô, dưa hấu, ớt, lạc, rau các loại, khoai lang, cỏ chăn nuôi) chiếm diện tích từ 80 - 89,2%, cây lúa chiếm 10,8 - 20,0%; vụ hè thu và vụ mùa cây lúa chiếm diện tích chủ yếu, từ 64,0 – 70,8% ở vụ hè thu và 76,9 – 80,0% ở vụ mùa. Kết quả thực nghiệm đã xác định một số cơ cấu cây trồng cạn ngắn ngày trên vùng đất lúa có nguy cơ thiếu nước đạt hiệu quả và có thị trường tiêu thụ lớn, gồm: cây ngô - khoai lang - cây lúa; lạc - ngô lai - cây lúa; cây ớt (7 tháng) - cây lúa đạt hiệu quả sản xuất từ 61,2 – 101,4 triệu đồng/ha/3 vụ, vượt so với đối chứng (3 vụ lúa) từ 31,6 - 126,1% ở cả 2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ISSN 1859-4581

			vùng Tánh Linh và Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.	
27	Thực trạng và hiệu quả sản xuất của một số cơ cấu cây trồng trên đất lúa thường xuyên khô hạn tại tỉnh Bình Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Phạm Văn Phước, Võ Minh Thư, Đỗ Ty, Nguyễn Thị Liễu, Đoàn Thanh Mạnh, Nguyễn Hải, Hồ Thị Xuân Quỳnh	Khảo sát thực trạng sản xuất và thử nghiệm một số cơ cấu cây trồng trên vùng đất lúa thường xuyên khô hạn được thực hiện tại các huyện Tánh Linh và Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp điều tra khảo sát và thực nghiệm mô hình từ năm 2020 - 2022. Kết quả khảo sát cho thấy, trên vùng đất lúa thường xuyên khô hạn, một phần diện tích lúa đã được chuyển dịch sang trồng các cây trồng cạn như cây ngô, dưa hấu, ớt, đậu phộng, bí đỏ, khoai lang, cỏ chăn nuôi. Kết quả thực nghiệm đã xác định một số cơ cấu cây trồng: 1) Đậu phộng - ngô lai - cây lúa; 2) Dưa hấu - ngô sinh khối - cây lúa; và 3) Cỏ chăn nuôi - cỏ chăn nuôi - cỏ chăn nuôi đạt hiệu quả sản xuất cao từ 61,9 - 107,3 triệu đồng/ha/năm, vượt so với đối chứng từ 4,1 đến 80,3% ở cả 2 vùng Tánh Linh và Đức Linh tỉnh Bình Thuận.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam - Số 05 (147)/2023, trang 67-75; ISSN: 1859-1558
28	Nghiên cứu xác định liều lượng phân đạm và kali thích hợp cho giống nho không hạt NH04-128 tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phan Văn Tiêu, Phan Công Kiên, Đỗ Ty, Phạm Văn Phước, Võ Minh Thư	Nghiên cứu xác định liều lượng phân đạm và kali thích hợp cho giống nho không hạt NH04-128 được thực hiện trong vụ Hè Thu 2021 và Đông Xuân 2021/2022 tại Ninh Thuận. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp lô phụ, nhắc lại 3 lần, yếu tố chính là phân kali (200 và 250 kg K ₂ O/ha), yếu tố phụ là phân đạm (200, 250 và 300 kg N/ha), trên nền phân 1.000 kg supe lân/ha; trong vụ Đông Xuân bón thêm 20 tấn phân chuồng/ha/vụ. Kết quả nghiên cứu xác định được công thức bón phân 250 kg N và 250 kg K ₂ O/ha/vụ cho năng suất, chất lượng và	Tạp chí Khoa học Tây nguyên - Trường Đại học Tây Nguyên; ISSN 1859-4611

			hiệu quả kinh tế cao. Năng suất thực thu đạt từ 14,5 – 14,9 tấn/ha; độ Brix đạt từ 18,4 - 18,5%, tỷ lệ quả thối và nứt quả thấp từ 4,1 - 5,5%; lợi nhuận đạt từ 689.098.000 - 697.437.000 đồng, tỷ suất lợi nhuận đạt từ 77,3 – 80,3%.	
29	Kết quả khảo nghiệm các giống nho không hạt có triển vọng tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Phan Công Kiên, Phạm Trung Hiếu, Phạm Văn Phước, Võ Minh Thư, Nguyễn Thị Liễu	Đa dạng sản phẩm từ cây nho, việc tuyển chọn các giống nho không hạt có triển vọng tại Ninh Thuận phục vụ cho mục đích nho ăn tươi, nho sấy khô là cần thiết. Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được thực hiện từ năm 2018 - 2019 và khảo nghiệm sản xuất thực hiện từ năm 2022-2023 tại xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được bố trí theo kiểu khối đầy đủ hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD), nhắc lại 3 lần, gồm 5 giống nho không hạt: NH04-61, NH04-70, NH04-77, NH04-78, NH04-128 và giống đối chứng là Cardinal; khảo nghiệm sản xuất bố trí theo ô lớn, không lặp lại. Kết quả nghiên cứu đã chọn được giống NH04-61 và NH04-128 sinh trưởng phát triển tốt, thích nghi với điều kiện canh tác tại Ninh Thuận; không hạt, có mùi vị đặc trưng, phù hợp dùng cho ăn tươi hoặc sấy khô và có hiệu quả kinh tế cao. Giống NH04-61 có thời gian sinh trưởng từ 97,0 - 106,3 ngày; khối lượng chùm từ 276,7 - 298,0 g/chùm, năng suất đạt 12,1 - 15,5 tấn/ha/vụ, độ Brix đạt 16,6 - 17,0%. Giống NH04-128 có thời gian sinh trưởng từ 96,0 -101,3 ngày; khối lượng chùm từ 257,5 - 273,1 g, năng suất đạt 11,9 - 15,3 tấn/ha/vụ; độ Brix từ 16,7 - 17,3%.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 18/2023; trang 16-25; ISSN 1859-4581
30	Xác định liều lượng phân đạm	Viện Nghiên cứu Bông và Phát	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân	Tạp chí Khoa học và Công

	và kali thích hợp cho giống nho không hạt NH04-61 tại Ninh Thuận	triển nông nghiệp Nha Hồ Phan Văn Tiêu, Đỗ Ty, Phan Công Kiên, Phạm Văn Phước, Võ Minh Thư, Nguyễn Thị Liễu	đạm và kali đến năng suất, chất lượng giống nho không hạt NH04-61 tại vườn thực nghiệm của Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ trong 2 vụ hè thu 2021 và đông xuân 2021/2022. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp lô phụ, nhắc lại 3 lần, yếu tố chính là phân kali gồm: 200 và 250 kg K ₂ O/ha, yếu tố phụ là phân đạm gồm: 200, 250 và 300 kg N/ha. Đã xác định được mức bón phân N ₂ K ₂ (250 kg N và 250 kg K ₂ O/ha/vụ) trên nền 160 kg P ₂ O ₅ /ha/vụ cho năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Năng suất thực thu đạt 15,3 - 15,6 tấn/ha/vụ, độ Brix 18,1%, tỷ lệ quả thối và nứt quả thấp từ 3,5% đến 5,7%, lợi nhuận đạt 595.703.000 - 658.632.000 đồng/ha, tỷ suất lợi nhuận so với tổng chi đạt tương ứng 256,8% và 232,8% trong hai vụ hè thu 2021 và đông xuân 2021/2022.	nghe Nông nghiệp Việt Nam - Số 06 (148)/2023, trang 37-43; ISSN: 1859-1558
31	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh và ảnh hưởng của kỹ thuật đốn tia cành đến bệnh phấn trắng trên cây táo tại Nam Trung bộ	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phan Công Kiên, Nguyễn Văn Liêm, Phạm Dũng, Phạm Mỹ Liên	Bệnh phấn trắng gây hại phổ biến trên cây táo tại Nam Trung Bộ. Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử để xác định tác nhân và ảnh hưởng của kỹ thuật đốn tia cành đến mức độ gây hại của bệnh từ năm 2020. Kết quả cho thấy, bệnh thường gây hại trên các bộ phận như quả non, hoa và lá. Trong tự nhiên, bệnh gây thiệt hại nhiều nhất trên quả non. Khi môi trường thuận lợi, nấm phát triển thành lớp có màu trắng bao phủ trên vết	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 22, trang 171-181.
32	Isolation and identification of pathogenic microorganisms causing post-harvest disease of garlic (<i>Allium sativum</i> L.) in Ninh Thuan province, Vietnam	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TS. Nguyễn Thị Nhã	Bệnh phấn trắng gây hại phổ biến trên cây táo tại Nam Trung Bộ. Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử để xác định tác nhân và ảnh hưởng của kỹ thuật đốn tia cành đến mức độ gây hại của bệnh từ năm 2020. Kết quả cho thấy, bệnh thường gây hại trên các bộ phận	Journal of Phytopathology, 2024,172:e13430

			<p>như quả non, hoa và lá. Trong tự nhiên, bệnh gây thiệt hại nhiều nhất trên quả non. Khi môi trường thuận lợi, nấm phát triển thành lớp có màu trắng bao phủ trên vết bệnh. Đã xác định được tác nhân gây bệnh phấn trắng trên cây táo là do nấm <i>Oidium heveae</i> gây ra, giai đoạn hữu tính là <i>Erysiphe quercicola</i>. Kỹ thuật đốn tỉa cành có ảnh hưởng đến sự phát triển và gây hại của bệnh. Khi mật độ cành trên cây táo càng cao thì bệnh phấn trắng gây hại càng nặng. Trong đó, bệnh phấn trắng gây hại quả táo ít nhất ở công thức cắt đẽ 5 cành cấp 2/cây, đây cũng là công thức có năng suất táo cao nhất.</p>	
33	<p>Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ và bao bì đến một số chỉ tiêu chất lượng củ tỏi Phan Rang (<i>Allium sativum</i> ssp. <i>sativum</i>) trong quá trình bảo quản</p>	<p>Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TS. Nguyễn Thị Nhã</p>	<p>Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của chế độ và bao bì bảo quản đến hiệu quả bảo quản củ tỏi được trồng tại Phan Rang. Các điều kiện bảo quản củ tỏi được khảo sát với các yếu tố thí nghiệm gồm: sử dụng bao bì đóng gói là túi giấy, túi lưới; ngưỡng nhiệt độ bảo quản ở 3 khoảng 27 – 33 °C (nhiệt độ phòng), 23 – 25 °C (nhiệt độ mát) và 7 – 10 °C (nhiệt độ lạnh). Kết quả khi đánh giá sự biến đổi các chỉ tiêu về độ cứng (N/cm²), tỷ lệ nảy mầm (%), tỷ lệ hư hỏng (%), tỷ lệ hao hụt khối lượng tự nhiên (%) và màu sắc của củ tỏi trong thời gian 2, 4 và 6 tháng bảo quản cho thấy, ở nhiệt độ bảo quản lạnh 7 – 10 °C đã duy trì màu sắc, hạn chế hư hỏng, nảy mầm và hao hụt khối lượng cho củ tỏi sau 6 tháng bảo quản. Trong khi đó, chất lượng và hiệu quả bảo quản của củ tỏi tốt nhất khi bảo quản ở nhiệt độ 23 – 25 °C và 27 – 33 °C trong thời</p>	<p>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số đặc biệt Nông nghiệp bền vững vì an ninh lương thực và an toàn thực phẩm tháng 11/2024</p>

			gian lần lượt 3 và 4 tháng, sau thời gian này, chất lượng củ tỏi giảm do mất nước, nảy mầm, giảm độ cứng và bệnh hại phát triển. Sử dụng túi lưới để đóng gói phù hợp với cả ba điều kiện nhiệt độ bảo quản, trong khi túi giấy có hiệu quả tương đương túi lưới chỉ trong điều kiện nhiệt độ 7 – 10 °C. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất các điều kiện bảo quản phù hợp với củ tỏi Phan Rang sau khi thu hoạch.	
34	Bệnh phấn trắng (<i>Oidium heveae</i>) hại táo (<i>Rhamnaceae: Ziziphus mauritiana</i>) ở các thời vụ cắt cành khác nhau tại Ninh Thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Phan Công Kiên, Phan Văn Tiêu, Võ Thị Kim Trâm, Võ Đức Khá, Phạm Mỹ Liên	Bệnh phấn trắng (<i>Oidium heveae</i>) là bệnh hại chính trên cây táo tại Ninh Thuận. Điều kiện môi trường có tác động rõ rệt đến sự phát sinh, phát triển và gây hại của bệnh. Nghiên cứu thực hiện tại Ninh Thuận từ tháng 8/2020 đến 12/2021. Kết quả cho thấy, mức độ bệnh phấn trắng gây hại trên quả táo khác nhau rõ rệt ở thời vụ cắt cành khác nhau. Trong đó, cắt cành táo vào tháng 5 và tháng 8 thì mức độ bệnh phấn trắng gây hại nặng hơn so với cắt cành vào tháng 2 và tháng 11, tỉ lệ bệnh cao nhất ở 115 ngày sau cắt cành tương ứng là 28% và 21% so với 16% và 15%; chỉ số bệnh tương ứng là 12,4% và 9,9% so với 4,4% và 4,3%. Đây cũng là hai thời vụ mà táo có năng suất thực thu cao nhất, tương ứng là 45,8 tấn/ha và 45,2 tấn/ha. Tiếp đến là công thức cắt cành vào tháng 2 (42,8 tấn/ha). Công thức cắt cành vào tháng 11 có năng suất thực thu thấp nhất, đạt 33,4 tấn/ha. Độ Brix của quả táo trên ruộng cắt cành vào tháng 2 cao nhất (13,2%), tiếp đến là công thức cắt cành vào tháng 8 (12,3%) và tháng 11 (11,8%), công thức cắt cành vào tháng 5 có độ Brix thấp	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 22, trang 182-188.

			nhất (10,1).	
35	Kết quả nghiên cứu áp dụng quy trình quản lý tổng hợp dịch hại tảo tại vùng Nam Trung bộ	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ TS. Mai Văn Hào, ThS Nguyễn Văn Chính, TS. Phan Công Kiên, ThS. Phan Văn Tiêu	Nghiên cứu áp dụng quy trình IPM trên cây táo tại Nam Trung bộ đã giải quyết tốt yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Hầu như táo không bị ruồi và sâu đục quả cùng các loài dịch hại khác gây hại, đảm bảo sản xuất an toàn, nâng cao được hiệu quả cho sản xuất. Cây táo ít bị phá hại bởi các loài ruồi đục quả, sâu đục quả, bệnh phấn trắng, sâu róm, rệp sáp, loài bọ cánh cứng và động vật khác (trước đây chúng thường gây thiệt hại từ 50-60%, thậm chí có hộ không thu hoạch được, sản phẩm chất lượng thấp, giá bán thấp). Hoàn toàn không dùng thuốc trừ cỏ, giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm chi phí thuốc và công phun thuốc. Bảo vệ sức khỏe của đất, cải thiện và nâng cao độ phì nhiêu của đất, môi trường canh tác an toàn và bền vững, lực lượng thiên địch của sâu hại phong phú, cây táo sinh trưởng phát triển cân đối, tăng khả năng chống chịu sâu bệnh. Tăng năng suất táo, sản phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng cao nên giá bán cao hơn so với sản phẩm canh tác truyền thống. Áp dụng quy trình giúp người trồng táo chủ động trong việc lựa chọn thời vụ cắt cành để có sản phẩm bán giá cao và đạt hiệu quả cao nhất.	Kỷ yếu Hội thảo: Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên năm 2023, trang 252 - 260
36	Xác định liều lượng phân đạm và kali thích hợp cho giống táo (<i>Ziziphus mauritiana</i> L.) TN01 tại ninh thuận	Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ Phạm Mỹ Liên, Nguyễn Quốc Hùng, Phan Công Kiên, Mai Văn Hào, Nguyễn Văn Chính, Võ Thị Kim Trâm	Thí nghiệm được bố trí 2 yếu tố theo kiểu lô phụ, lô chính là N với 3 liều lượng: 230 kg/ha, 280 kg/ha, 330 kg/ha và lô phụ là K với 4 liều lượng: 210 kg/ha, 260 kg/ha, 310 kg/ha, 360 kg/ha, 3 lần lặp lại, được thực hiện trong 2 vụ liên tiếp (vụ Hè Thu 2021 và Đông Xuân 2021/2022). Kết quả cho thấy,	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam - Số 02 (1153)/2024, trang 24-31; ISSN: 1859-1558

			<p>các liều lượng bón đạm khác nhau đã cho tỷ lệ đậu quả, khối lượng quả, mật độ quả và năng suất khác nhau, với tỷ lệ đậu quả dao động (4,8 - 7,2 %), khối lượng quả (66,6 - 81,2 g/quả), mật độ quả (48,5 - 57,1 quả/m²), năng suất (32,0 - 39,1 tấn/ha) và ở liều lượng bón N 280kg/ha cho các chỉ tiêu đánh giá trên đạt được cao nhất. Các liều lượng bón kali khác nhau đã cho khối lượng quả, độ brix quả và hàm lượng vitamin C của quả khác nhau, với khối lượng quả dao động (67,2 - 79,8 g/quả), độ brix (10,5 - 11,9 %) và hàm lượng vitamin C (37,9 - 41,8 mg/100g) và ở liều lượng bón 360kg N/ha cho các chỉ tiêu đánh giá trên đạt được cao nhất. Ở nghiệm thức bón đạm là 280 kg/ha/vụ và kali là 360 kg/vụ giúp cây táo tăng khối lượng quả, tăng năng suất và nâng cao được chất lượng quả táo thông qua các chỉ tiêu độ brix, hàm lượng vitamin C.</p>	
37	Effects of dietary protein and lipid levels on growth performance, feed utilization and body composition of juvenile giant trevally (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskal, 1775).	Ravi Fotedar, Minh Chau Nguyen, Hung Duc Pham/ Trường Đại học Nha Trang	Kết quả xác định được mức tối ưu protein: lipid trong thức ăn viên cho cá bẹ vầu giai đoạn giống là 52 và 10% để đạt tăng trưởng tối đa.	Aquaculture Research, 00, 1– 10.
38	Artificial propagation of giant trevally (<i>Caranx ignobilis</i>): A potential candidate for marine cage culture in Vietnam	Pham Duc Hung/ Trường Đại học Nha Trang	Báo cáo kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá bẹ vầu tại Khánh Hòa.	ASEAN-FEN Webinar 2021
39	Optimization of the salanganes' nest drinks composition	Trịnh Thị Hồng Vân, Phan Thị Giang, Nguyễn Thị Thanh Nguyệt, Hồ Thị Kim Oanh, Nguyễn Trần Gia Mỹ, Nguyễn Đức Lợi/ Công ty CP NGK Yên	Bird's Nest is a famous food with high nutritional value and health benefits, so this article focuses on optimizing the composition of antioxidant drinks from bird's nests.	International Journal of Modern Pharmaceutical Research (IJMPR).

		sào Khánh Hòa		
40	Effects of sterilization temperature and time on the average sensory scores, physicochemical properties, microorganisms and antioxidant activity of bird's nest beverage	Trịnh Thị Hồng Vân, Phan Thị Giang, Nguyễn Thị Thanh Nguyệt, Hồ Thị Kim Oanh, Lâm Thế Hải, Nguyễn Trần Gia Mỹ, Đoàn Thị Hiệp, Cao Thị Thúy Hằng/ Công ty CP NGK Yên sào Khánh Hòa	Salanganes'Nest is one of the well-appreciated foods (sea cucumber, fish fin, abalone, and bird's nest) in the Southern-East region. This study focused on the variation of mean sensory scores, physicochemical properties, and microbiological and antioxidant activities. This study focused on the variation of mean sensory scores, physicochemical properties, and microbiological and antioxidant activities under different pasteurization temperatures (105, 110, and 115 oC) and time (15, 20, 25, 30, and 35 minutes) conditions. The results showed that pasteurization temperature and time affected the evaluated objective functions. The tested indexes of bird's nest water were the best at 110 oC for 35 minutes, for example, (free radical scavenging activity of $73,32b \pm 0,34\%$ and total antioxidant activity of $1,22b \pm 0,02$ (mg AA/ml product)). Bird's nest will be a potential drink in anti-aging to enhance human health.	GSC Biological and Pharmaceutical Sciences (GSCBPS)
41	Optimum beverage formulation in terms of pH, viscosity, and DPPH free radical scavenging activity of bird's nest beverage	Trịnh Thị Hồng Vân, Phan Thị Giang, Nguyễn Thị Thanh Nguyệt, Hồ Thị Kim Oanh, Nguyễn Trần Gia Mỹ, Nguyễn Đức Lợi/ Công ty CP NGK Yên sào Khánh Hòa	Bird's nest is widely used in Asia and good for consumers' health. The paper focused on optimizing for beverage formulation that contain Salanganes'Nest harvesting at Yen Island, Nha Trang, Khanh Hoa province, Vietnam. The input factors such as Bird's Nests essence, Ginkgo biloba, Chamomile, and Glucosamine were studied. Target functions were pH, viscosity, and DPPH free radical scavenging activity. The results showed that the optimized beverage	International Journal of Science and Research Archive (IJSRA)

			formulation value is at the condition as following: Bird's nest essence of 24,79%, Ginkgo biloba of 0,18%, Chamomile of 0,23%, Glucosamine of 0,8%, pH of 5,5, a viscosity of 32,9 cP, and DPPH free radical scavenging capacity of 75,4%.	
42	Bài báo khoa học: Quy trình và mạng lưới can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao rối loạn tâm vận động tại tỉnh Khánh Hòa	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa/Phan Hữu Chính và thành viên	Quy trình và mạng lưới can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao rối loạn tâm vận động tại tỉnh Khánh Hòa	
43	Bài báo khoa học: Đánh giá kết quả chương trình can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao tại tỉnh Khánh Hòa	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa/Phan Hữu Chính và thành viên	Đánh giá kết quả chương trình can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao tại tỉnh Khánh Hòa	
44	Ảnh hưởng của mật độ ương lên sinh trưởng và khả năng chịu sốc của cá bè vầu (Caranx ignobilis) giai đoạn cá giống.	Trường ĐH Nha Trang/ Phạm Đức Hùng, Nguyễn Thị Hà Trinh, Hoàng Thị Thanh	Mật độ phù hợp trong ương cá bè vầu giai đoạn cá hương lên cá giống là 1,0 con/L để tối ưu tốc độ sinh trưởng và khả năng chịu sốc của cá.	
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1	Tự công bố lưu hành giống nho NH01-48			Công bố lưu hành tại Quyết định số 03/VNCB-CBLH ngày 20/12/2022 và được Cục Trồng trọt chấp nhận, đăng thông tin trên website Cục vào tháng 3/2023.
2	Quy trình sản xuất cánh rỗng có gân gia cường được hàn bằng kỹ thuật hàn ma sát	Trần Hưng Trà (415/7, đường 2/4, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-03566 (công bố đơn 2021)

3	Quy trình sản xuất chế phẩm chứa kháng thể IgY đặc hiệu đối với vi khuẩn V.parahaemolyticus gây bệnh chết sớm (EMS) và V.harveyi gây bệnh phát sáng trên tôm nuôi	Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3 (Số 2 Đặng Tất, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-03976 (công bố đơn 2021)
4	Chế phẩm chứa kháng thể IgY dùng để phòng và trị bệnh do V.parahaemolyticus và V.harveyi gây ra trên tôm nuôi	Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3 (Số 2 Đặng Tất, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-03977 (công bố đơn 2021)
5	Quy trình nuôi thâm canh cá chình trong hệ thống RAS sử dụng thức ăn nội địa	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-06680 (công bố đơn 2021)
6	Thức ăn dạng bột mịn dùng để nuôi ốc hương giai đoạn giống, thương phẩm và quy trình sản xuất thức ăn này	Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III (02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-06846 (công bố đơn 2021)
7	Quy trình chế tạo kết cấu khung dạng hộp từ hợp kim nhôm bằng kỹ thuật hàn ma sát	Trần Hưng Trà (415/7, Đường 2/4, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2019-07006 (công bố đơn 2021)
8	Quy trình sản xuất phân bón sinh học từ nước thải kiểm thu nhận trong quá trình sản xuất aga	Viện nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Nha Trang (02A Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		2-2019-00462 (công bố đơn 2021)
9	SÁO CẢI TIẾN	ĐẶNG VIÊN PHƯƠNG (Số nhà 87, đường Nguyễn Trọng Kỳ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa)		2-2020-00269 (công bố đơn 2021)
10	Quy trình chế tạo tấm lưỡng kim đồng nhôm bằng kỹ thuật hàn ma sát dùng chốt hàn hai vai	Trần Hưng Trà (415/7, Đường 2/4, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2020-02395 (công bố đơn năm 2021)

11	Hệ thống điều khiển lật tấm pin năng lượng mặt trời tự động	Nguyễn Phương (146/14 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)		1-2020-01740 (Công bố năm 2021) NT
12	Quy trình sản xuất giống trai tai tượng vảy (<i>Tridacna squamosa</i> Lamarck, 1819)	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2020-07079 (công bố đơn năm 2022)
13	Lò đốt tầng sôi cho máy sấy	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VINA NHA TRANG		2-2021-00430 (công bố đơn năm 2022)
14	Quy trình sản xuất aga từ rong câu (<i>Gracilatoria</i>)	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		2-2021-00497 (công bố đơn năm 2022)
15	Quy trình sản xuất giống nhân tạo hải sâm vú <i>Holothuria nobilis</i> (Selenka, 1867).	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (Số 02 Đặng Tất, Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa)		1-2022-07124 (công bố đơn năm 2022)
16	Quy trình điều chế nano sulfat beta-glucan-rutin	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (02 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2022-06104 (công bố đơn năm 2022)
17	Bộ máy xe đạp số có trợ lực	Chu Quý Quỳnh (25 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Hòa, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2022-05734 (công bố đơn năm 2022)
18	Nệm cao su thiên nhiên trầm hương	Phạm Văn Hiếu (Lạc Bình, Ninh Thọ, Ninh Hòa, Khánh Hòa)		2-2022-00290 (công bố đơn năm 2022)
19	Quy trình sản xuất giống cá khoang cổ <i>nemo Amphiprion ocellaris</i>	Viện Hải dương học (Số 1 Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		2-2022-00280 (công bố đơn năm 2022)
20	Bộ máy xe đạp số có trợ lực	Chu Quý Quỳnh (25 Điện Biên Phủ, phường		1-2022-05734 (công bố đơn năm 2023)

		Vĩnh Hòa, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		
21	Quy trình điều chế nano sulfat beta-glucan-rutin	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2022-06104 (công bố đơn năm 2023)
22	Quy trình sản xuất siro thịt đen cá ngừ	Công ty TNHH Cá ngừ Việt Nam (Lô A4-A8, khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa)		1-2023-00442 (công bố đơn năm 2023)
23	Dao dũi cá đông dùng khí nén	Công ty TNHH Cá ngừ Việt Nam (Lô A4-A8, khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa)		1-2023-03253(công bố đơn năm 2023)
24	Hệ thống IoT trong phát triển nông nghiệp	Nguyễn Văn Duy (41 Bạch Đằng, Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa)		1-2023-03972(công bố đơn năm 2023)
25	Quy trình sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi ốc hương	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SEATECH MIỀN TRUNG (108 đường Phú Xương, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		1-2023-05149(công bố đơn năm 2023)
26	THỨC ĂN CHĂN NUÔI DÙNG CHO ỐC HƯƠNG (BABYLONIA AREOLATA) VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT THỨC ĂN NÀY	Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và Chuyển giao công nghệ thủy sản (Số 02 Đặng Tất, Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa)		2-2023-00340 (công bố đơn năm 2023)
27	HỆ THỐNG TUẦN HOÀN ĐỂ NUÔI THỦY SẢN SỐNG ĐÁY VÀ QUY TRÌNH NUÔI THỦY SẢN	Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và Chuyển giao công nghệ thủy sản (Số 02 Đặng Tất, Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa)		2-2023-00480 (công bố đơn năm 2023)

	BẢNG HỆ THỐNG NÀY	Trang, Khánh Hòa)		
28	QUY TRÌNH CHIẾT HỢP CHẤT FUCOIDAN CÓ HOẠT TÍNH GÂY ĐỘC TẾ BÀO UNG THƯ TỪ LOÀI RONG MỎ SARGASSUM OLIGOCYSTUM	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa)		2-2023-00621 (công bố đơn năm 2023)
29	PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NƯỚC MẮM VÀ NƯỚC MẮM ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO PHƯƠNG PHÁP NÀY	Công ty TNHH thực phẩm và gia vị Ji Ji Ninh Thuận (Thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận)		1-2023-04711 (công bố năm 2023) NT
30	Tiêu rađa phân xạ góc dạng lưới, kiểu gấp	Trường Đại học Nha Trang (Số 2 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng sáng chế số: 1-0029917
31	Quy trình sản xuất giống cá mặt quỷ (<i>Synanceia verrucosa</i> Bloch & Schneider, 1801)	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (02 Đặng Tất, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng sáng chế số: 1-0030416
32	Quy trình chế tạo tấm hợp kim hybrid giữa nhôm nhóm 1xxx (nhôm nguyên chất) với đồng đỏ (đồng điện cực)	Trần Hưng Trà (415/7, Đường 2/4, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng sáng chế: 1-0033193
33	Quy trình điều chế beta-glucan từ men bánh mì bằng chất lỏng ion	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NHA TRANG-VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (Số 02 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 2-0002784
34	Quy trình sản xuất chế phẩm chất điều hòa sinh trưởng thực vật	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang (02 Hùng Vương, thành phố Nha Trang,		Bằng giải pháp hữu ích: 2-0002902

	chứa oligo carrageenan từ rong sụn (Kappaphycus alvarezii)	tỉnh Khánh Hòa)		
35	SÁO CÁI TIỀN	ĐẶNG VIỄN PHƯƠNG (Số nhà 87, đường Nguyễn Trọng Kỳ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 2-02989
36	Quy trình chiết xuất hỗn hợp hoạt chất chống oxy hóa từ loài nhím biển	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (02A Hùng Vương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 2-03046
37	Mặt nạ kháng khuẩn	Công ty cổ phần đầu tư AN LAND (15 Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 2-03009
38	Quy trình sản xuất phân bón sinh học từ nước thải kiểm thu nhận trong quá trình sản xuất agar	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang (2A Hùng Vương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3314
39	Quy trình chiết xuất hỗn hợp hoạt chất chống oxy hóa từ loài nhím biển	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (02 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3046
40	Quy trình chiết xuất hỗn hợp hoạt chất chống oxy hóa từ loài nhím biển	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (02 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3046

41	Quy trình sản xuất giống cá khoang cổ nemo Amphiprion ocellaris	Viện Hải dương học - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Số 1 Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3389
42	Quy trình sản xuất aga từ rong câu (Gracilaria)	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Số 2A, Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3663
43	QUY TRÌNH SẢN XUẤT PHÂN BÓN TỪ PHỤ PHẨM CỦA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT FUCOIDAN	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Số 2A, Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa)		Bằng giải pháp hữu ích: 3716
44	QUY TRÌNH SẢN XUẤT GIỐNG NHÂN TẠO HẢI SÂM VÚ (HOLOTHURIA NOBILIS (SELENKA, 1867))	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (Số 02, Đặng Tất, Vĩnh Hải, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà)		Bằng giải pháp hữu ích: 3959
45	Hệ thống điều khiển lật tấm pin mặt trời tự động	Nguyễn Phương (146/14 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)		Bằng giải pháp hữu ích: 3797
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1	Công ty cổ phần giống cây trồng Đông Nam			Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tháp Chàm, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa; Giấy phép kinh doanh:

				4500341728 Số QĐ công nhận: 02/DNKHCN-NT Nhận lực hiện có: 08 người
2	Công ty TNHH Dịch vụ - Sản xuất - Thương mại Ngọc Thủy	Trần Thị Thúy Thủy (người đại diện pháp luật)		- Địa chỉ: 11 Mai An Tiêm, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; - Loại hình DN: Công ty TNHH; - Giấy phép kinh doanh: 4201565208 ngày 08/17/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp; - Số Giấy chứng nhận: 09/DNKHCN ngày 24/3/2022; - Nhân lực hiện có: 07 người.
3	Công ty TNHH Nuôi trồng thủy sản Vạn Xuân	Trần Thị Tuyết (người đại diện pháp luật)		- 42 đường 2/4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; - Loại hình DN: Công ty TNHH; - Giấy phép kinh doanh: 4201538388 ngày 04/5/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp; - Số Giấy chứng nhận: 10/DNKHCN ngày 24/3/2022; - Nhân lực hiện có: 06 người.
4	Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ thủy sản Khánh Hòa	Hoàn Diệm (người đại diện pháp luật)		- Xã Vạn Hưng, tỉnh Khánh Hòa; - Loại hình DN: Công ty cổ phần; - Giấy phép kinh doanh: 4201185693 ngày 10/7/2018

				do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp; - Số Giấy chứng nhận: 11/DNKHCN ngày 24/3/2022; - Nhân lực hiện có: 06 người.
5	Công ty TNHH VINT	Mai Quốc Dũng (người đại diện pháp luật)		- Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; - Loại hình DN: Công ty TNHH; - Giấy phép kinh doanh: 4201991774 ngày 25/12/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp; - Số Giấy chứng nhận: 12/DNKHCN ngày 28/5/2024; - Nhân lực hiện có: 06 người.
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong

	và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN			đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST NỔI BẬT
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> - Các thiết kế mô hình sản xuất nhỏ ứng dụng công nghệ cao. - Các Quy trình kỹ thuật sản xuất nhỏ ứng dụng công nghệ cao 	Kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu sản xuất nhỏ ứng dụng công nghệ cao tại Ninh Thuận”	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cây nho (NH01-48, NH01-152), giảm thuốc BVTV, tăng năng suất, chất lượng nên tăng hiệu quả kinh tế từ 30 - 50%. - Hoàn thiện được quy trình trồng nho công nghệ cao đầu tiên của Việt Nam, bằng giống nho do Việt Nam chọn tạo. 	
2	Cơ sở khoa học nhằm xác định hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản ở vùng biển Ninh Thuận đến năm 2030	Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xác định hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản ở vùng biển Ninh Thuận đến năm 2030	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp và cập nhật thêm các tài liệu, cơ sở dữ liệu về ngư trường, nguồn lợi hải sản; hiện trạng trữ lượng nhóm cá nổi, cá đáy; sản lượng và đối tượng khai thác cho các lĩnh vực nghiên cứu về kinh tế biển; lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thủy sản. - Ước tính trữ lượng nguồn lợi nhóm cá nổi, cá đáy ở vùng biển nghiên cứu để làm cơ sở khoa học cho việc đưa ra hạn ngạch giấy phép khai thác cho tỉnh Ninh Thuận và các địa phương ven biển khác. - Cung cấp các dẫn liệu tin cậy làm cơ sở khoa học cho công tác quy hoạch ngành khai thác hải sản của địa phương. - Góp phần thúc đẩy ngành khai thác hải sản phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần bảo vệ và tái tạo nguồn lợi hải sản; ổn định sinh kế, giải quyết việc làm cho người lao động và xóa đói giảm nghèo. - Cung cấp các luận cứ khoa học làm cơ sở cho công tác hoạch định chính sách, quy hoạch ngành khai thác, định hướng đề xuất các phương án quản lý nghề cá, các cơ chế, chính sách và 	

			giải pháp có tính khả thi cao góp phần bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi hải sản và môi trường biển.	
3	Quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp, tiết kiệm nước cho cây nho trong điều kiện khô hạn	Nghiên cứu sản xuất nho ứng dụng công nghệ cao tại Ninh Thuận	Quy trình kỹ thuật canh tác, tiết kiệm nước phù hợp cho giống nho NH01-152 và NH01-16 tại vùng Nam Trung bộ, với các thông số kỹ thuật bổ sung như: kỹ thuật cắt cành phù hợp; bổ sung dinh dưỡng qua lá tăng năng suất và chất lượng quả nho; thành phần và diễn biến sâu bệnh hại chính, thiên địch và biện pháp quản lý.	
4	Quy trình kỹ thuật canh tác cho giống bắp nếp bản địa mới chọn lọc	Điều tra, chọn lọc và phát triển giống bắp nếp bản địa ở huyện Bác Ái tỉnh Ninh Thuận	Các biện pháp kỹ thuật canh tác trong quy trình nhằm nâng cao năng suất cho giống bắp nếp bản địa mới chọn lọc gồm: Thời vụ gieo trồng vụ Xuân Hè áp dụng gieo từ ngày 10/4 - 15/4, vụ Thu Đông gieo từ ngày 20 -25/8; Mật độ, khoảng cách gieo trồng: mật độ 83.300 cây/ha, khoảng cách gieo 60 x 20 cm; Liều lượng phân bón: 160 kg N + 100 kg P2O5 + 90 kg K2O/ha.	
5	<ul style="list-style-type: none"> _ Quy trình chuyển giao trong chăn nuôi bò thuần _ Quy trình chăm sóc nuôi dưỡng trong chăn nuôi bò lai hướng thịt 	Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong chăn nuôi bò hướng thịt tại các xã khó khăn, dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình nuôi bò thuần hướng thịt: hiệu quả kinh tế tăng 34,5% so với các hộ dân nuôi bò địa phương không tham gia dự án. - Dự án sử dụng bò chăn nuôi bò lai: tăng hiệu quả kinh tế 28% so với nuôi bò địa phương 	
6	Quy trình nuôi Cá chình thương phẩm trong ao và trong bể xi măng	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình ương nuôi giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa (<i>Anguilla marmorata</i>) đạt năng suất và hiệu quả cao tại tỉnh Ninh Thuận.	Mô hình Dự án mang lại lợi nhuận là: 1.340.200.000 đồng.	
7	Quy trình quản lý tổng hợp	Nghiên cứu quản lý	Các thông số gồm: sử dụng 20 tấn phân chuồng ủ hoai + 500kg	

	một số sâu bệnh hại chính (bệnh phấn trắng, sâu đục quả) trên cây táo tại Ninh Thuận và một số tỉnh Nam Trung bộ	tổng hợp ruồi đục quả và một số sâu bệnh hại chính trên cây táo tại Ninh Thuận và một số tỉnh Nam Trung Bộ	vôi + 500 kg lân super (kiến thiết cơ bản) - 1000 kg lân super (giai đoạn kinh doanh + 500kg urê (kiến thiết cơ bản) - 600kg urê (giai đoạn kinh doanh) + 450 kg kali clorua (kiến thiết cơ bản) - 600 kg kali clorua (giai đoạn kinh doanh) + 2 -10 kg phân bón qua lá bón cho 01 ha; tưới nước và để mật độ cành hợp lý, sử dụng biện pháp sinh học để quản lý sâu bệnh: bao lưới chắn côn trùng, sử dụng bẫy bả, bẫy pheromon, trồng cây họ đậu che phủ đất.
8	Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm mỹ phẩm từ dịch chiết yến sào Khánh Hòa	Công ty CP NGK Sanest Khánh Hòa; CN. Bùi Thị Hạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu cho mẫu nhãn hiệu sản phẩm. - Công ty đang tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất từ quy mô thí nghiệm sang quy mô pilot và đánh giá công dụng của 03 dòng sản phẩm serum chống lão hóa, kem dưỡng da, mặt nạ dưỡng da Yến sào Khánh Hòa. - Hoàn thiện công nghệ sản xuất 02 dòng sản phẩm mới sữa rửa mặt và toner bổ sung Yến sào. - Trong thời gian tới, định hướng thương mại hóa dòng sản phẩm mặt nạ dưỡng da Yến sào Khánh Hòa và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để tiến tới thương mại hóa các dòng sản phẩm serum, kem dưỡng da, sữa rửa mặt và toner bổ sung Yến sào.
9	Nghiên cứu công nghệ chế biến rong biển Porphyra (rong mút) và Monostroma (rong xanh) thành các sản phẩm giá trị gia tăng.	Công ty TNHH Trí Tín KS. Lê Bền	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế lại nhãn hiệu, lựa chọn bao bì thân thiện, bảo vệ môi trường, phù hợp thị hiếu của khách hàng. - Sản xuất và kinh doanh dòng sản phẩm rong biển dạng tấm Nori; Snack rong biển rang phòng; Snack rong biển kẹp nhân. - Sản lượng: Snack rong biển rang phòng: 1500 hộp; Snack rong biển kẹp nhân: 2404 hộp. - Doanh thu: 200 triệu đồng. Lợi nhuận tạo trước thuế từ sản phẩm: 60 triệu đồng. - Giải quyết việc làm cho 10 lao động thu nhập bình quân từ 5-6 triệu đồng. - Sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm tại Thành phố HCM, Hà Nội và các tỉnh lân cận. Công ty được lựa chọn tham gia chương trình OCOP năm 2024 tỉnh Khánh Hòa.

			<ul style="list-style-type: none"> - Hằng năm đều có hoạt động chia sẻ cộng đồng: tặng quà cho người nghèo và khó khăn, tặng sách cho các cháu học sinh tại nơi doanh nghiệp có cơ sở hoạt động. 	
10	Xây dựng phần mềm hỗ trợ huấn luyện kỹ thuật về động cơ tuabin khí phục vụ đào tạo nhân viên kỹ thuật trên tàu bảo vệ quần đảo Trường Sa.	Học viện Hải quân/TS. Trần Quốc Toàn.	<ul style="list-style-type: none"> * Lữ đoàn 162 - Vùng 4 Hải quân: - Năm 2023: Tổ chức huấn luyện và chuyển giao phần mềm cho Vùng 4 Hải quân. - Năm 2024: Tổ chức huấn luyện chuyên môn kỹ thuật ngành Cơ điện năm 2024 tại TTHL LĐ162. - Tổng số lớp tập huấn là 12 lớp, quân số tham gia là 112 lượt: Tổ chức huấn luyện kèm theo với ra quân huấn luyện hàng năm tại đơn vị; Tổ chức huấn luyện cơ bản cho ác nhân viên tập sự và huấn luyện chuyên sâu ngành Tuabin khí cho các tiểu đội trưởng và tiểu đội phó tuabin; Huấn luyện tăng cường cho sỹ quan chuyên môn nghiệp vụ trên bờ. - Tại Vùng 4 Hải quân: sản phẩm phần mềm được Học viện Hải quân bà giao và được trang bị tại Trung tâm Huấn luyện LDD162, hàng năm phục vụ cho các cán bộ và nhân viên ngành Cơ điện trên tàu theo kế hoạch huấn luyện thường xuyên và bổ sung hàng năm cho từng đối tượng khác nhau. - Kết quả ứng dụng đạt được: Bổ sung thêm vào chương trình huấn luyện chuyên môn hàng năm cho các đối tượng là nhân viên ngành Cơ điện; Nâng cao các kiến thức cho các nhân viên thuộc ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng và sỹ quan thuộc trường ngoài quân đội; Ứng dụng ngân hàng câu hỏi để kiểm tra đánh giá kết thúc một phần trong chương trình huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho các đối tượng khác nhau; Giúp các đối tượng được huấn luyện thao tác vận hành tự tin khi được sử dụng trên các chương trình mô phỏng trước khi làm việc dưới tàu. * Học viện Hải quân - Tổng lớp đào tạo 10 lớp, với 167 lượt tham gia: Tổ chức huấn luyện chuyên sâu chuyên ngành Tuabin khí cho các lớp đào tạo chuyên ngành Cơ điện tại Học viện Hải quân; Tăng cường huấn 	

			<p>luyện khai thác tuabin cho các lớp cuối khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Khoa cơ điện: Bổ sung vào chương trình đào tạo chuyên ngành cơ điện cho các học viên chuyên ngành hàng năm và đào tạo khoa tăng cường. - Kết quả ứng dụng đạt được: Tiếp cận quá trình huấn luyện bằng hình ảnh trực quan giúp người học dễ dàng hơn trong quá trình tiếp cận với các trang bị thật có trên tàu; Đánh giá được các kỹ năng nhận biết và hieeur các hệ thống có được lắp đặt trên động cơ tuabin khí; Nguồn tài liệu tham khảo để đánh giá các nhiệm vụ liên quan đến huấn luyện động cơ tuabin khí trên tàu; Học viên tốt nghiệp ra trường khi làm việc trên các lớp tàu có tuabin khí đều tự tin và hoàn thành các bài kiểm tra của đơn vị hàng năm. 	
11	Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bè đưng (Gnathanodon speciosus Forsskal, 1775) trong lồng bằng thức ăn công nghiệp tại Khánh Hòa	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III. TS Võ Thế Dũng	<p>Tính bền vững của các mô hình, các hộ dân tham gia thực hiện đề tài đến nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân Trần Chí Toàn: Năm 2024 thả nuôi 4.000 con giống cá bè đưng, đến nay đã xuất bán hơn 1,5 tấn, số còn lại đang nhỏ nên tiếp tục nuôi. Năng suất đạt khoảng 9-9,4 kg cá/m³ lồng nuôi. - Hộ dân Nguyễn Duy Quang: Năm 2024 thả nuôi 8.000 con giống, đã xuất bán được 4,0 tấn, hiện còn một số cá nhỏ chưa bán, năng suất khoảng 9,5 kg/m³. - Công ty TNHH Dịch vụ Sản xuất Thương mại Ngọc Thủy: Năm 2024 thả nuôi 4.000 con, năng suất đạt trên 9 kg/m³. - Một số hộ dân tại Đàm Nha Phu như Ngô Văn Mạnh, Ngô Đức Trí... đều thả nuôi từ 3.000-6.000 con giống. - Một số hộ dân tại Khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa, Cam Lâm đã và đang nuôi - Năm 2023: Công tác Chuyển giao quy trình, biện pháp kỹ thuật canh tác từ kết quả đề tài cho các hộ dân trên bàn huyện/tp thông qua các chương trình, các mô hình từ nguồn kinh phí địa phương cấp cho trạm khuyến nông hằng năm; từ nguồn kinh phí đề tài cấp cơ sở (nếu có): (nêu cụ thể lồng ghép vào chương 	

			<p>trình gì? xây dựng mô hình từ nguồn kinh phí khuyến nông của trạm? Nguồn kinh phí khác...): Năm 2023, Đề tài đã tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bè đưng cho 100 hộ dân tại huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa theo Giấy mời của Trung tâm Thông tin và ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Khánh Hòa (Chương trình Tuyên truyền và phổ biến các kết quả khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở và các tiến bộ kỹ thuật).</p> <p>+ Năm 2023: Võ Thế Dũng và Võ Thị Dung đã xuất bản quyển sách “Cách nuôi cá bè đưng”, sách được xuất bản theo chương trình “1001 cách làm giàu”. Sách đã được bán rộng rãi tới các địa phương ven biển.</p> <p>+ Năm 2024: Ước tính có khoảng 30-40 hộ dân tại Khánh Hòa, 15-20 hộ dân tại Bà Rịa Vũng Tàu và Kiên Giang đang nuôi thương phẩm cá bè đưng, với số lượng lồng nuôi ước tính khoảng 300 lồng. Điều này, tạo điều kiện cho khoảng 5-7 trại giống tại Khánh Hòa đã tham gia sản xuất giống nhân tạo loài cá này.</p>	
12	<p>Điều tra đánh giá, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm ổn định các cửa sông và vùng bờ ven biển tỉnh Khánh Hòa.</p>	<p>Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Trung Bộ. ThS. Bùi Văn Chanh</p>	<p>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ</p> <p>- Hiệu quả kinh tế:</p> <p>+ Đảm bảo giao thông đường thủy, hàng hải ven bờ tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Nâng cao năng suất, nuôi trồng, đánh bắt hải sản ven biển tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Đảm bảo an toàn các công trình cửa sông, ven biển, tránh thiệt hại về tài sản do sạt lở, xâm thực bờ biển, gây hư hại và xuống cấp các công trình.</p> <p>+Thẩm định đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chính trị, giao thông hợp lý vừa đảm bảo chất lượng vừa tiết kiệm kinh phí đầu tư.</p> <p>* Hiệu quả xã hội</p> <p>+ Phát triển cơ sở hạ tầng là cơ sở phát triển đời sống, xã hội của ngư dân.</p> <p>+ Đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội khu vực</p>	

ven biển.

+ Nâng cao ý thức bảo vệ các công trình chinh trị, cơ sở hạ tầng ven biển.

+ Nâng cao năng lực dự báo hải văn ven bờ phục vụ phòng chống thiên tai (được thể hiện trong các bản tin dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ gửi Ban chỉ huy PCTT – TKCN & PTDS các cấp của tỉnh Khánh Hòa).

* Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn: Góp phần phục vụ cho công tác thẩm định, góp ý các chính sách, quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển KT-XH địa phương, góp ý dự án đầu tư, thẩm định công nghệ; cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng, lập dự án đầu tư, quy hoạch ngành:

+ Năm 2022: Dự án: Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm

+ Năm 2023: Gói thầu: Tư vấn khảo sát lập thiết kế; quy trình vận hành và bảo trì công trình và Lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp (EPP), Công trình: Hệ thống Hồ chứa nước Kiên Kiên – Lợi Hải

+ Dự án Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Điều tra, đánh giá hiện trạng cây chắn sóng bảo vệ đê biển khu vực Trung Bộ

+ Cảnh báo sóng lớn và triều cường vùng biển tỉnh Khánh Hòa, tác động của triều cường và nước dâng đến thoát lũ sông Dinh Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang phục vụ phòng chống thiên tai. Sở Giao thông vận tải

- Sở Giao thông vận tải đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, đơn vị tư vấn thiết kế nghiên cứu áp dụng kết quả đề tài khoa học về Điều tra đánh giá xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm ổn định các cửa sông và vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa vào các dự án, đề án, công trình do Sở làm chủ đầu tư, quản lý. Tuy nhiên, hiện nay Sở chưa có dự án, công trình phù hợp để áp dụng các giải pháp ổn định cửa sông và vùng biển ven bờ.

			Trong thời gian tới, Sở sẽ nghiên cứu ứng dụng kết quả nghiên cứu các giải pháp ổn định cửa sông và vùng biển ven bờ vào các công trình, dự án giao thông có liên quan.
13	Trồng thử nghiệm giống quýt đường không hạt tại Khánh Hòa.	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN/ ThS. Lê Tuấn Quang, TS. Nguyễn Bá Phú	<p>* Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN</p> <p>Năm 2023, sau khi kết thúc đề tài, đơn vị đã tổ chức 02 lớp tập huấn thuộc nhiệm vụ “Tuyên truyền, phổ biến các kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật” nhằm tuyên truyền và giới thiệu cây quýt Đường không hạt tại 02 địa phương là Diên Khánh và Khánh Vĩnh. Đại biểu tham dự 02 lớp tập huấn bao gồm các hộ dân canh tác nông nghiệp (94 người tham dự) và các cán bộ Trạm khuyến nông huyện, Hội nông dân các xã thuộc huyện. Tuy vậy, năm 2024 vẫn chưa có thêm đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu.</p> <p>Cho đến thời điểm báo cáo, 02 hộ dân tham gia phối hợp thực hiện đề tài vẫn tiếp tục duy trì 02 mô hình trồng thử nghiệm. Tại Khánh Vĩnh, diện tích canh tác 3.000 m², năng suất trung bình đạt 16 tấn/ha, giá bán tại vườn dao động từ 10.000 – 12.000đ/kg. Tại Diên Khánh, diện tích canh tác 3.000 m², năng suất trung bình đạt 15 tấn/ha, giá bán tại vườn dao động từ 14.000đ/kg.</p> <p>Cây quýt Đường không hạt (SAVEBI) là đối tượng cây trồng mới và trước đây hoàn toàn chưa xuất hiện tại Khánh Hòa. Bên cạnh đó, đây cũng lại đối tượng cây trồng mới có giá trị cho địa phương vì vậy đề có thể nhân rộng và giới thiệu cây quýt Đường không hạt ở tỉnh Khánh Hòa nói chung và ở các địa phương triển khai mô hình nói riêng cần tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền để nhân rộng mô hình vào thực tiễn sản xuất.</p> <p>* UBND huyện Khánh Vĩnh</p> <p>Sau khi nhận bàn giao kết quả nghiên cứu UBND huyện đã chỉ đạo phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức bàn giao cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để triển khai tuyên truyền, phổ biến, ứng dụng kết quả của các đề tài này vào thực tiễn tùy theo</p>

14	<p>Nghiên cứu ứng dụng vật liệu FRP (Fiber Glass Reinforced Plastic) sản xuất khung lồng nuôi thủy sản trên biển</p>	<p>Trường Đại học Nha Trang TS. Huỳnh Văn Vũ</p>	<p>tình hình đặc thù riêng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu: Trường Đại học Nha Trang, Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản và Du lịch Vân Phong, Vạn Ninh, Khánh Hòa. - Đã chế tạo được các ô lồng nuôi theo 2 mẫu: Mẫu 1 là hình vuông có kích thước bao ngoài là 5,0 x 5,0 m; Kích thước ô treo lưới hình vuông bên trong là 4,0 x 4,0 m; Chiều cao là 0,4 m; có kết cấu khoang kín, liền khối; Mẫu 2 là tấm kết cấu hình vuông bao ngoài 5,0 x 5,0 m; kích thước ô treo lưới hình vuông bên trong là 4,0 x 4,0m ; tấm có các đai liên kết để kết nối các thùng phuy nhựa. Tổng số ô lồng được chế tạo và liên kết vớ nhau là 38 ô và 2 nhà kho, được phân chia thành 2 mô hình nuôi thủy sản: Một mô hình gồm 14 ô lồng và 1 nhà kho; Một mô hình gồm 24 ô lồng và 1 nhà kho - Tác động về mặt xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Đã sản xuất được tám nối liên kết giữa các ô lồng riêng lẻ thành hệ thống khung lồng đảm bảo điều kiện vận hành đơn giản, nhanh chóng, giá thành rẻ, chịu được sóng gió, phù hợp với điều kiện nuôi thủy sản của ngư dân Khánh Hòa. + Đã lắp đặt và vận hành thử nghiệm 2 mô hình nuôi thủy sản trên biển tại Ninh Hoà và Vạn Ninh, từng bước quảng bá loại khung lồng nuôi biển bằng vật liệu FRP đến với ngư dân Khánh Hoà. Đặc biệt việc đi lại, di chuyển vật tư, vận hành trong quá trình nuôi là rất dễ dàng, thuận tiện vì có đường đi là rộng hơn 1,0 mét giữa 2 ô lồng liền kề. - Tác động về mặt khoa học – công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> + 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Cơ khí Việt Nam (Nghiên cứu lựa chọn kiểu kết cấu khung lồng nuôi thủy sản trên biển bằng vật liệu composite, số tháng 6/2023) và tạp chí Giao thông Vận tải (Đánh giá độ bền của khung lồng nuôi thủy sản sau khi bị va chạm bởi tàu nhỏ bằng phương pháp mô phỏng số, số tháng 03/2024). + Hướng dẫn và nhận bằng tốt nghiệp của thạc sĩ Đặng Huỳnh 	
----	--	--	--	--

			<p>Anh Nhân.</p> <p>+ 2 báo cáo tại hội nghị quốc tế MSDI 2023, tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang, 21-23/7/2023 (Estimating the strength of connector between FRP floating cages by simulation method, Estimating the strength of floating fish cage after collision impact with small boat by simulation method).</p> <p>+ 1 báo cáo keynote tại Hội nghị khoa học toàn quốc về Kỹ thuật cơ khí và Kỹ thuật phương tiện giao thông tiên tiến NSCAMVE2023, Trường Đại học Bách khoa Tp HCM, 20/10/2023 (Nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững).</p> <p>+ Tham dự Triển lãm Techfest vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Nha Trang 19-20/08/2022.</p>	
15	Xây dựng quy trình sản xuất bảo vệ sức khỏe từ tinh chất yến sào thiên nhiên Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa ThS.Trịnh Thị Hồng Vân	<p>Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa thực hiện đăng ký 03 Nhãn hiệu và 02 Kiểu dáng Công nghiệp đối với sản phẩm Tinh chất Yến sào Khánh Hòa Sanvinest, cụ thể như sau:</p> <p>* Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh chất Yến sào Khánh Hòa Sanvinest dành cho người cao tuổi; Thương hiệu vàng cho sức khỏe và sắc đẹp; Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hình. <ul style="list-style-type: none"> + Số đơn gốc: 4-2023-22074 + Ngày nộp đơn: 29.05.2023 - Sanvinest Tinh chất Yến sào Khánh Hòa Sanvinest dành cho trẻ em; Nguồn bổ dưỡng thiên nhiên diệu kỳ; Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hình. <ul style="list-style-type: none"> + Số đơn gốc: 4-2023-22075 + Ngày nộp đơn: 29.05.2023 - Tinh chất Yến sào Khánh Hòa Sanvinest; Thương hiệu Vàng cho sức khỏe và sắc đẹp, hình. <ul style="list-style-type: none"> + Số đơn gốc: 4-2023-22076 + Ngày nộp đơn: 29.05.2023 <p>* Đăng ký kiểu dáng công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gói sản phẩm (Tinh chất Yến sào dành cho mọi độ tuổi và 	

			<p>Tinh chất Yên sào dành cho người cao tuổi).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số đơn gốc: 3-2023-01169 + Ngày nộp đơn: 29.05.2023 + Ngày công bố: 25.08.2023 <p>- Bao gói sản phẩm (Tinh chất yến sào dành cho trẻ em)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số đơn gốc: 3-2023-01170 + Ngày nộp đơn: 29.05.2023 + Ngày công bố: 25.08.2023 <p>- Công suất sản xuất, kinh doanh các sản phẩm trên (tính - Công suất sản xuất, kinh doanh các sản phẩm trên (tính đến thời điểm báo cáo): 1.514.052 sản phẩm.</p> <p>- Lợi nhuận tạo ra trước thuế từ sản phẩm trên: 1,2 tỷ đồng.</p> <p>- Sau khi áp dụng kết quả nghiên cứu, số lượng người được giải quyết công ăn việc làm: 25 người/ca làm việc 08 giờ.</p>
16	<p>Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất dưa lưới đạt tiêu chuẩn VietGAP tại Khánh Hòa.</p>	<p>Trung tâm Khuyến nông ThS. Võ Thị Bích Chi</p>	<p>*UBND thành phố Nha Trang Ngày 23/7/2024, Phòng kinh tế và UBND xã Vĩnh Thạnh đã phối hợp với Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN tổ chức lớp tuyên truyền kết quả đề tài cho các hộ dân trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh.</p> <p>* UBND thành phố Cam Ranh Công tác ứng dụng: Hiện có thêm 01 cá nhân ở TDP Nghĩa Phú, phường Cam Nghĩa (Nguyễn Hoàng Hiệp) tổ chức nhân rộng thêm 2.000 m2 .</p> <p>* UBND huyện Cam Lâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về công tác tuyên truyền: UBND huyện đã lồng ghép tổ chức tuyên truyền phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân trên địa bàn huyện được biết. - Về công tác tổ chức chuyên giao, nhân rộng, ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất: UBND huyện đã tổ chức chuyên giao và hướng dẫn các hộ trồng dưa trên địa bàn huyện ứng dụng quy trình trồng và chăm sóc dưa theo tiêu chuẩn VietGAP; nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

* UBND huyện Khánh Vĩnh

Sau khi nhận bàn giao kết quả nghiên cứu UBND huyện đã chỉ đạo phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức bàn giao cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để triển khai tuyên truyền, phổ biến, ứng dụng kết quả của các đề tài này vào thực tiễn tùy theo tình hình đặc thù riêng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương

* Trung tâm Khuyến nông tỉnh

- Tính bền vững của mô hình: Nguyễn Hoàng Hiệp có diện tích canh tác 01 sào, năng suất trung bình 4 tấn/ sào, hiệu quả kinh tế lợi nhuận 110 triệu/năm/ sào; Huỳnh Trương Long Ngân có diện tích canh tác 1,5 sào, năng suất trung bình 3,5 tấn /sào, hiệu quả kinh tế lợi nhuận 100 triệu/năm/sào; Nguyễn Thị Thư có diện tích 1,5 sào, năng suất 3-4 tấn/sào, hiệu quả kinh tế lợi nhuận 95 triệu/năm/sào; Cao Thanh Trúc có diện tích 01 sào, năng suất Trung bình 3-4 tấn/sào, hiệu quả kinh tế lợi nhuận 80 triệu/năm/sào.

- Công tác tập huấn: Năm 2022 dân tham quan học tập trực tiếp tại các hộ triển khai đề tài; năm 2023 dân tham quan học tập trực tiếp tại các hộ mà đề tài triển khai và thấy hiệu quả nên tự đầu tư; năm 2024 Phối hợp với Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN tập huấn tại xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, xã Vĩnh Thạnh thành phố Nha Trang, Phường Cam Nghĩa thành phố Cam Ranh, thị trấn Khánh Vĩnh huyện Khánh Vĩnh và thị xã Ninh Hòa với 250 người/5 lớp

- Năm 2023,2024: số lượng ứng dụng là phường Cam Nghĩa thành phố Cam Ranh, có diện tích 2,5 sào và xã Suối Cát huyện Cam Lâm diện tích 2,4 sào, năng suất trung bình 3-4 tấn/sào, hiệu quả kinh tế lợi nhuận 80-100 triệu/năm/sào tăng 25 % so với canh tác truyền thống.

- Hiệu quả xã hội: Giải quyết 20 người có việc làm, thu nhập bình quân 6 triệu/ tháng/ 1 vụ/ sào

* Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN

Tổ chức tập huấn 05 lớp: tại Ninh Hòa với 50 người tham dự,

			Khánh Vĩnh 40 người tham dự, Diên Khánh 48 người tham dự, Vĩnh Thanh Nha Trang 50 người tham dự, Cam Ranh 49 người tham dự
17	Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Bè vầu (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskal, 1775) tại Khánh Hòa.	Trường Đại học Nha Trang TS. Phạm Đức Hùng	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu: Các cơ sở sản xuất giống cá biển tại Cát Lợi, Vĩnh Lương, Nha Trang, Khánh Hòa; Cơ sở nuôi cá bè vầu bố mẹ tại đầm Nha Phu, Ninh Ích, Ninh Hòa, Khánh Hòa. - Ứng dụng kỹ thuật làm giàu thức ăn sống giúp nâng tỷ lệ sống từ ấu trùng lên các giống đạt > 5%, qua đó cải thiện hiệu quả sản xuất giống các bè vầu - Ứng dụng quy trình sản xuất giống đã giúp tối ưu chế độ nuôi vỗ cá bố mẹ, phương pháp tiêm hormone, tăng sức sinh sản và tỷ lệ thụ tinh của trứng cá bè vầu cao hơn 40% so với phương pháp tiêm một liều, giúp tăng lượng trứng thụ tinh - Năm 2022: Tập huấn cho hơn 20 người dân ở Vĩnh Lương về kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bè vầu - Năm 2024: Tập huấn 02 lớp về kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bè vầu cho người nuôi thủy sản tại Ninh Hòa và Vạn Ninh. - Hình thành các cơ sở nuôi cá bè vầu bố mẹ, cung cấp trứng thụ tinh cho các trại sản xuất giống trong tỉnh và khu vực lân cận * Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH-CN Tổ chức tập huấn 02 lớp: tại Ninh Hòa với 56 người tham dự, Vạn Ninh với 48 người tham dự.
18	Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm ốc nhảy <i>Strombuscanarium</i> (Linnaeus ,1758) phù hợp với điều kiện ở Khánh Hòa	Trường Đại học Nha Trang	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị ứng dụng: - Trạm khuyến nông Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. - Hội Nông dân xã Vạn Khánh, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa. - Các mô hình nuôi thương phẩm ốc nhảy trong ao đất có diện tích 3.000 – 4.000 m², năng suất trung bình: 6 – 7 tấn/ha. Doanh thu 1,5 – 1,7 tỷ đồng/ha. Hiệu quả kinh tế mang lại: 400 – 500 triệu đồng/ha/vụ. - Năm 2022: tổ chức 01 lớp tập huấn với 40 người tham dự tại

			<p>xã Vạn Khánh, Huyện Vạn Ninh và 01 lớp tập huấn với 40 người tham dự tại Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa</p> <p>- Hoạt động ứng dụng:</p> <p>+ Năm 2022: số lượng xã trên địa bàn ứng dụng, diện tích canh tác; năng suất trung bình; hiệu quả kinh tế mang lại so với các giống truyền thống/diện tích: 02 xã, phường ứng dụng kết quả đề tài triển khai mô hình nuôi thương phẩm ốc nhảy trong ao đất (xã Vạn Khánh, Huyện Vạn Ninh) và mô hình nuôi thương phẩm ốc nhảy trên bãi triều (Phường Cam Nghĩa, Tp. Cam Ranh).</p> <p>+ Năm 2023: số lượng xã trên địa bàn ứng dụng, diện tích canh tác; năng suất trung bình; hiệu quả kinh tế mang lại so với các giống truyền thống/diện tích</p> <p>- Tác động xã hội: Tạo nghề nuôi thương phẩm ốc nhảy cho người dân các vùng ven biển, đặc biệt ở những vùng gặp khó khăn trong nuôi tôm, ốc hương (tận dụng ao địa không sử dụng).</p>	
19	<p>Nghiên cứu quy trình kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm mực lá (<i>Sepioteuthis lessoniana</i> Férussac, 1831) tại Khánh Hòa</p>	<p>Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ ThS. Nguyễn Khánh Nam</p>	<p>Đơn vị tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ (Công ty TNHH Trạm nghiên cứu biển Nha Trang) hiện vẫn tiếp tục ứng dụng quy trình kỹ thuật vào sản xuất, các chỉ tiêu kỹ thuật ngày càng ổn định, dần cải thiện hiệu quả kinh tế do tiết giảm được giá thành sản xuất, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 đợt sản xuất giống, tổng sản lượng thu được 15.000 con giống; Tỷ lệ nở trung bình đạt 90%; Tỷ lệ sống 30%; Giá thành con giống ước tính 11.500 đồng/con; - Thử nghiệm nuôi thương phẩm, thời gian nuôi 2,5 tháng; Kích cỡ thu hoạch trung bình đạt 250 gr/con; Tỷ lệ sống trung bình 50%; Giá thành ước khoảng 35.000 đồng/kg <p>Mực lá là đối tượng có thịt thơm ngon, được thị trường ưa chuộng, giá bán rất cao, dẫn tới tình trạng khai thác ngày càng cạn kiệt nguồn lợi hải sản này. Hấp dẫn về giá cả đã dẫn tới xuất hiện một số mô hình nuôi mực lá trong lồng bè từ nguồn giống</p>	

			<p>đánh bắt tự nhiên, tại Khánh Hòa một số hộ nuôi bè tại khu vực biển phường Cam Phúc Bắc, Cam Ranh đã tiến hành nuôi thương phẩm mực lá. Sơ bộ đánh giá mực lá là đối tượng nuôi rất triển vọng: thời gian nuôi ngắn, chi phí đầu tư thấp, giá bán rất cao... mang lại lợi nhuận lớn nhưng do con giống phụ thuộc vào khai thác tự nhiên nên hoạt động nuôi thương phẩm mực lá chỉ dừng lại quy mô nhỏ lẻ, thậm chí xen kẽ các đối tượng thủy hải sản khác.</p> <p>Kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ là quy trình đầu tiên về sản xuất giống nhân tạo mực lá tại Việt Nam, có thể chủ động sản xuất giống nhân tạo có chất lượng cao, số lượng lớn đáp ứng nhu cầu của người dân, giàu tiềm năng ứng dụng và nhân rộng. Đồng thời, có thể sử dụng giảng dạy cho học viên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản tại các cơ sở giáo dục đào tạo cũng như là cơ sở, tài liệu tham khảo cho những nghiên cứu tiếp theo với những đối tượng chân đầu khác.</p> <p>Con giống mực lá sản xuất nhân tạo có giá thành vào khoảng 12.000 đồng/con, khá cao so với một số đối tượng hải sản khác. Tuy vậy, do ưu thế thời gian nuôi ngắn, giá bán cao, thử nghiệm nuôi thương phẩm mực lá vẫn cho tỷ suất lợi nhuận/đầu tư đạt 35 - 100% tương đối cao khi so sánh với các đối tượng hải sản khác. Hiện Trung tâm đang tiến hành đề xuất thực hiện pha tiếp theo: “Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và xây dựng quy trình nuôi thương phẩm mực lá” nhằm khép kín quy trình, nâng cao hiệu quả sản xuất</p>	
20	<p>Đánh giá thực trạng tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa.</p>	<p>Viện Pasteur TS. BS Đỗ Thái Hùng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Y tế Khánh Hòa đã ban hành Công văn số 3221/SYT-NVY về việc triển khai kết quả nghiên cứu khoa học “Đánh giá thực trạng tồn lưu kháng thể kháng độc tố bạch hầu ở độ tuổi từ 5 - 40 trong cộng đồng dân cư tỉnh Khánh Hòa” gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, các Trung tâm y tế ứng dụng trong hoạt động phòng, chống dịch bệnh bạch hầu. - Tổ chức 01 Hội thảo Công bố kết quả, thành phần Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm y tế 8 huyện, thị 	

		<p>xã, thành phố, 30 trạm y tế triển khai nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đăng 02 bài báo trên Tạp Chí Khoa học Kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, 01 bài báo trên Tạp chí Y tế dự phòng.- Báo cáo tại Hội thảo khoa học: Hội nghị khoa học Y học dự phòng toàn quốc năm 2023 tại Đà Nẵng; Hội nghị khoa học Bệnh truyền nhiễm và Bệnh nhiệt đới miền Trung – Tây Nguyên lần thứ 2 tại Nha Trang.- Từ 01/01/2024- nay: 01 bài báo đã được duyệt tại Tạp chí International Journal of Infectious Diseases.- Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần quan trọng trong việc cung cấp thông tin để định hướng chiến lược tiêm chủng vắc xin Td tại Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn năm 2024 khi dịch bệnh bạch hầu bùng phát ở nhiều địa phương	
--	--	--	--

KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nha Đam của tỉnh Ninh Thuận	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nha Đam của tỉnh Ninh Thuận nhằm phát huy danh tiếng, đảm bảo duy trì sự tín nhiệm của người tiêu dùng, đảm bảo cơ chế quản lý sử dụng CDDL Nha Đam có hệ thống chặt chẽ, khoa học; hình thành hệ thống sản xuất, phát triển hệ thống sản phẩm mang CDDL theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng sản phẩm từ đó nâng cao giá trị của sản phẩm trên thị trường, chống lại sự lạm dụng dấu hiệu nguồn gốc, nâng cao đời sống của người sản xuất, kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Hội thảo lấy ý kiến và hoàn thiện hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá, truyền thông, giới thiệu sản phẩm nha Đam của tỉnh Ninh Thuận được bảo hộ chỉ dẫn địa lý được tổ chức tại Ninh Thuận vào ngày 12/12/2025. - 01 hệ thống nhận diện, công cụ quảng bá đã hoàn thiện sau góp ý của các đại biểu tham gia Hội thảo. - 01 báo cáo xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về vùng trồng, chế biến sản phẩm nha Đam của tỉnh Ninh Thuận hoàn thành. 	30%	Mức độ hoàn thành theo đúng tiến độ của dự án.
2	“Ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo cá mú Trân châu (♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> x ♀ <i>E.fuscoguttatus</i>) quy mô hàng hóa tại tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận quy trình sản xuất giống cá mú Trân châu; 2. Xây dựng mô hình sản xuất giống cá mú Trân châu: + Thu thập, tuyển chọn và nuôi vỗ đàn cá bố mẹ: 150 con cá mú cộp (3 – 5 kg/con) thành thực sinh dục và có khả 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hồ sơ các quy trình công nghệ được chuyển giao thực hiện dự án: + Quy trình nuôi vỗ cá mú cộp và cá mú nghệ bố mẹ + Quy trình công nghệ sản xuất giống cá mú Trân châu 2. Xây dựng các mô hình: 	100% Đã được tổ chức nghiệm thu dự án ở cấp địa phương ngày 29/6.	

Khánh Hòa”.

năng tham gia sinh sản được, 25 con cá mú nghệ (28 – 40 kg/con) thành thực sinh dục và có khả năng tham gia sinh sản được.

Đàn cá bố mẹ sau thời gian lưu giữ và nuôi vỗ có tỷ lệ sống cá bố mẹ > 80% gồm 120 con cá mú cộp (3 – 5 kg/con) và 20 con cá mú nghệ (28 – 40 kg/con) có tỷ lệ thành thực > 75%; tỷ lệ thụ tinh > 80%; tỷ lệ nở đạt > 80%.

+ Xây dựng mô hình sản xuất giống cá mú Trân châu trong hệ thống bể xi măng (2 mô hình: 1 mô hình đơn vị chủ trì thực hiện, 1 mô hình đơn vị phối hợp sản xuất giống cá mú Trân châu trong tỉnh Khánh Hòa) đạt tỷ lệ nở > 80%, tỷ lệ cá bột lên hương > 5%, tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 7 – 8 cm > 75%. Sản phẩm của mô hình là 500.000 con giống cỡ 7 – 8 cm.

+ Xây dựng mô hình sản xuất giống bằng hệ thống ao lót bạt (2 mô hình: 1 mô hình đơn vị chủ trì thực hiện, 1 mô hình đơn vị phối hợp sản xuất giống cá mú Trân châu trong tỉnh Khánh Hòa) đạt tỷ lệ nở > 80%, tỷ lệ cá bột lên hương > 5%, tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5 cm > 80%, tỷ lệ sống ương lên cá giống lớn cỡ 7 – 8 cm > 75%. Sản phẩm của mô hình là 500.000 con giống cỡ 7 – 8 cm.

3. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên về sản xuất giống cá mú Trân châu và tập

- Mô hình nuôi vỗ và cho đẻ cá mú Trân châu:

- Số lượng đạt được:

+ Cá mú cộp 150 con;

+ Cá mú nghệ 23 con;

- Chỉ tiêu kỹ thuật đạt được:

+ Cá mú cộp: 4 – 6 kg/con

+ Cá mú nghệ: 40 – 55 kg/con

+ Tỷ lệ thành thực 85%.

+ Tỷ lệ sống cá bố mẹ 92%.

- Mô hình sản xuất cá mú Trân châu giống trong bể xi măng:

- Số lượng đạt được:

+ Tập trung 416.000 con

+ Phối hợp 100.500 con

- Chỉ tiêu kỹ thuật đạt được:

+ Tập trung: Kích cỡ cá giống 7 - 8 cm;

Tỷ lệ nở 94,0%,; Tỷ lệ cá bột lên hương

8%, Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5

cm 82,0%, Tỷ lệ sống ương lên cá

giống lớn cỡ 7 – 8 cm là 86,6%.

+ Phối hợp: Kích cỡ cá giống 7 - 8 cm;

Tỷ lệ nở 88,9%,; Tỷ lệ cá bột lên hương

8,5%, Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 –

5 cm 85,0%, Tỷ lệ sống ương lên cá

giống lớn cỡ 7 – 8 cm là 86,9%.

- Mô hình Sản xuất cá mú Trân châu giống trong ao lót bạt:

- Số lượng đạt được:

+ Tập trung 426.000 con

+ Phối hợp 110.146 con

- Chỉ tiêu kỹ thuật đạt được:

+Tập trung: Kích cỡ 8 - 9 cm; Tỷ lệ nở

Hiện đang hoàn thiện hồ sơ để nộp đánh giá nghiệm thu chính thức tại Trung ương.

		huấn cho 100 lượt người dân.	<p>97,1%; Tỷ lệ cá bột lên hương 9%; Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5 cm 84,6%; Tỷ lệ sống ương lên cá giống lớn cỡ 7 – 9 cm là 82,2%.</p> <p>+ Phôi hợp: Kích cỡ cá giống 8 - 9 cm; Tỷ lệ nở 90,0%; Tỷ lệ cá bột lên hương 9,5%; Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5 cm 85,0%; Tỷ lệ sống ương lên cá giống lớn cỡ 8 – 9 cm là 84,2%.</p> <p>3. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên về sản xuất giống cá mú Trân châu và tập huấn cho 100 lượt người dân.</p> <p>4. Hồ sơ Sản phẩm cụ thể: + Cá mú cạp: 150 con; 4 – 5 kg/con + Cá mú nghệ: 23 con; 40 – 55 kg/con + Cá mú Trân châu giống: 1.052.646 con</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt</p>		
3	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Khánh Hòa.	<p>Mục tiêu cụ thể:</p> <p>1. Chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ: Chăn nuôi bò hướng thịt, trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản cỏ cho bò (8 quy trình).</p> <p>2. Xây dựng thành công mô hình nuôi bò lai hướng thịt chất lượng cao. + Mô hình bò cái sinh sản ra bò lai hướng thịt (thụ tinh nhân tạo, bố là các giống giống bò thịt chất lượng cao như BBB, Droughtmaster, mẹ là bò cái lai Zebu): Phôi giống thành công 700 bò cái lai Zebu; số bê sinh ra: 525</p>	<p>Hồ sơ sản phẩm dự án</p> <p>1. Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án</p> <p>2. Hồ sơ các quy trình công nghệ được chuyển giao thực hiện dự án: - Quy trình lai tạo bò lai F1 hướng thịt - Quy trình nuôi dưỡng bò cái sinh sản - Quy trình nuôi bê hướng thịt thời kỳ bú sữa - Quy trình nuôi bê hướng thịt thời kỳ sau cai sữa - Quy trình vỗ béo bò thịt - Quy trình phòng và trị bệnh cho bò thịt</p>	<p>100% Đã được Bộ KH-CN công nhận kết quả theo Quyết định số 283/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2026</p>	

con.

+ Mô hình vỗ béo bò: Vỗ béo 150 bò đực lai F1, tăng trọng trên 800 gam/con/ngày.

+ Mô hình trồng cỏ: Trồng đạt 19,25 ha cỏ (VA06 và cỏ sả lá lớn Hamil).

Năng suất chất xanh cỏ VA06 đạt 300-400 tấn/ha/năm, cỏ sả lá lớn Hamil đạt 220-240 tấn/ha/năm.

3. Đào tạo 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 150 lượt người dân.

- Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản và sử dụng cỏ VA06.

- Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản và sử dụng cỏ sả lá lớn Hamil

3. Xây dựng thành công mô hình

- Mô hình sinh sản bò lai hướng thịt:

+ Quy mô 700 con bò cái lai Zebu sinh sản TTNT bằng tinh đông lạnh bò giống BBB, Droughtmaster.

+ Tỷ lệ thụ tinh: 83%. (581 con).

+ Khối lượng bê sơ sinh đạt trung bình 26,6 kg/con.

+ Khối lượng bò lúc 12 tháng tuổi đạt trung bình 254,97kg/con.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển tốt. Tăng trọng trung bình 651,74 gam/con/ngày.

+ Tỷ lệ nuôi sống đến 12 tháng tuổi đạt 100%.

- Mô hình vỗ béo bò:

+ Quy mô 150 con bò đực lai F1.

+ Tuổi bắt đầu vỗ béo từ 18 tháng tuổi, khối lượng đưa vào vỗ béo trung bình 340,6kg.

+ Thời gian nuôi vỗ béo 03 tháng tuổi tăng khối lượng trên 871,5 g/con/ngày.

Khối lượng trung bình đạt:

418,57kg/con. Tỷ lệ sống đạt 100%.

- Mô hình trồng cỏ:

+ Quy mô 20,45 ha. Trong đó cỏ

VA06: 2,95 ha, Năng suất chất xanh đạt

		354,89 tấn/ha/năm và Cỏ Hamil: 17,5 ha, Năng suất chất xanh đạt 232,31 tấn/năm.	
--	--	---	--

4. Đào tạo kỹ thuật viên 10 KTV; Tập huấn nông dân 150 lượt người dân

5. Sản phẩm cụ thể:

- Bê lai F1 668 con
- Bò thương phẩm 525 con
- Bò đực thương phẩm 150 con
- Cỏ VA06 2617 tấn
- Cỏ Hamil 10.163 tấn

5	Viện Pasteur Nha Trang		104							Công lập
6	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III		119							Công lập
7	Trường ĐH Nha Trang		413							Công lập
II	Các đơn vị do địa phương trực tiếp quản lý									
1	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Ninh Thuận.	05/CN-KHCN	10	0			0			Công lập
2	Trung tâm quy hoạch kiểm định chất lượng xây dựng Ninh Thuận.	06/CN-KHCN-TĐBS	37	0			21	9		Công lập
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	07/CN-KHCN	94	0						Công lập
4	Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm Ninh Thuận	08/CN-KHCN-TĐBS-2	15	0			7	1		Công lập
5	Trung tâm Tư vấn và Phát triển công nghệ, trực thuộc Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ	09/CN-KHCN	6	0	0	0	0	0		Công lập
6	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận	11/CN-KHCN	192	0	0	0	0	0		Công lập
7	Vườn QG Núi Chúa	13/CN-SKHCN	31							Công lập
8	Vườn QG Phước Bình	15/CN-KHCN	21	10			10			Công lập
9	Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận	16/CN-KHCN	176	0	0	0	0	0		Công lập
10	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Thuận.	10/CN-KHCN-TĐBS	24	50			1	14	5	Công lập
11	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Ninh Thuận	17/CN-KHCN	19	0	0	0	0	0	0	Công lập
12	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Ninh Thuận	18/CN-KHCN	43	42			1	40	1	Công lập
13	Trung tâm Bảo vệ thực vật, trực thuộc Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ	20/CN-KHCN	7	0	0	0	0	0		Công lập

14	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng và Chất lượng xơ bông	21/CN-KHCN	4	0	0	0	0	0		Công lập
15	Trung tâm sản xuất giống cây trồng Nha Hồ	22/CN-KHCN	21	0	0	0	0	0		Công lập
16	VPĐD/CN Trạm NC Dê Cừu Ninh Thuận trực thuộc TTNC Dê và Thỏ Sơn tây	01/CN-VPĐD/CN	7	7		2	3	2		Công lập
17	Trung tâm Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo	25/CN-KHCN	14	0	0	0	0	0		Công lập
18	Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận	24/CN-KHCN	30		12	6	0	0		Công lập
19	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	04/2015/SKHHCN ngày 04/5/2015	158							Công lập
20	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	06/2015/SKHHCN ngày 15/7/2015	149							Công lập
21	Hội Khoa học lịch sử Khánh Hòa	02/2015/SKHHCN ngày 16/3/2015	134							Công lập
22	Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Khánh Hòa	03/2013/SKHHCN ngày 30/10/2013	16	16		4	10	2		Công lập
23	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa	04/2014/SKHHCN ngày 07/6/2022	13	13		7	6			Công lập
24	Trung tâm Công nghệ thông tin và Dịch vụ hành chính công trực tuyến	05/2015/SKHHCN ngày 12/5/2015	16							Công lập
25	Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông	- 05/2015/SKHHCN ngày 17/11/2014 (Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao); - 03/2017/SKHHCN (Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa)	57	57		9	43	5		Công lập
26	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	07/2016/SKHHCN	29	29		1	18	10		Công lập

21	Trung tâm tư vấn KH-CN Phát triển tài nguyên Nước – chi nhánh Nha Trang	04/2021/SKH-CN	4							Ngoài công lập
22	Trung tâm Dịch vụ Y tế	01/2020/SKH-CN	23							Ngoài công lập
23	Chi nhánh miền Trung - Viện nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt	01/2023/SKH-CN ngày 14/7/2023	3							Ngoài công lập
24	Trung tâm khoa học và công nghệ Việt Nhật	02/2023/SKH-CN ngày 04/8/2023	5							Ngoài công lập
25	Viện Đào tạo và Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Thủy sản Sa-Bio	01/2024/SKH-CN ngày 25/01/2024	6							Ngoài công lập
	Tổng số		4756	1896	58	211	727	926	0	

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN&ĐMST
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2024	Giai đoạn 2021-2025
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai		11	63
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	1	4
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	1	7
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	5	34
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	1	5
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	2	12
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	1	1
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Thẩm định Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch		
4	Chỉ định tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	Tổ chức		
5	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Nhiệm vụ		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín		31	31
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	0	0
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	250	260
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	15	15
-	Trong An ninh, hải quan	Thiết bị	42	42
3	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	39	160
4	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	39	166

IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	0	8
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	4040	10082
V	Công tác truyền thông, thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
2.3	<i>Các sản phẩm truyền thông trên báo in, báo điện tử và mạng xã hội</i>	Tin, bài		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê ngành KH&CN</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	17,860	78,907
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn	16	35
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn	1	2
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	52	403
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	8	37

6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	1,285	6,703
VII	Công tác thanh tra, kiểm tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	13	51
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	112	482
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	4	19
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	52.658	263.78
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ[1]	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		

5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	0	0
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	12	12
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	0	0
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Triệu đồng		

VĂN BẢN VỀ KHCN&ĐMST ĐƯỢC BAN HÀNH
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Bộ/Tỉnh ủy	HĐND	UBND
I	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG				
1	Báo cáo số 36/BC-UBND về tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2020.	29/01/2021			X
2	Kế hoạch số 508/KH-UBND về triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2021.	01/02/2021			X
3	Kế hoạch số 622/KH-UBND về thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	05/02/2021			X
4	Quyết định số 363/QĐ-UBND về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 để các cơ quan, đơn vị triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001.	03/3/2021			X
5	Kế hoạch số 3483/KH-UBND về việc thực hiện “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	14/7/2021			X
6	Kế hoạch số 5163/KH-UBND về việc triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	27/9/2021			X
7	Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.	11/01/2022			X

8	Báo cáo số 08/BC-UBND về Kết quả triển khai “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận” năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022	11/01/2022			X
9	Báo cáo số 11/BC-UBND về Tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2021	13/01/2022			X
10	Báo cáo số 12/BC-UBND về Tình hình thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Ninh Thuận năm 2021	13/01/2022			X
11	Kế hoạch số 665/KH-UBND về việc Triển khai Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	21/02/2022			X
12	Kế hoạch số 752/KH-UBND về việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2022	25/02/2022			X
13	Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Thuận	09/3/2022			X
14	Quyết định số 293/QĐ-UBND về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 để triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	15/3/2022			X
15	Kế hoạch số 1682/KH-UBND về việc Thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	22/4/2022			X
16	Kế hoạch 1989/KH-UBND về việc thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp VN nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế" trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2022	22/5/2022			X
17	Văn bản số 2150/UBND-KTTH về việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia bắt đầu thực hiện từ năm 2023 thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021-2030	24/5/2022			X

18	Kế hoạch số 646/KH-UBND Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2023.	27/02/2023			X
19	Kế hoạch số 647/KH-UBND Thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	27/02/2023			X
20	Kế hoạch số 648/KH-UBND Triển khai Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	27/02/2023			X
21	Kế hoạch số 650/KH-UBND thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” trong năm 2023.	27/02/2023			X
22	Công văn số 1700/UBND-KTTH về việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia bắt đầu thực hiện từ năm 2024 thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021-2030	28/4/2023			X
23	Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	26/9/2023			X
24	Kế hoạch số 839/KH-UBND về thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024.	27/02/2024			X
25	Kế hoạch số 787/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2024.	23/02/2024			X
26	Kế hoạch số 1014/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chương trình quốc gia Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	7/3/2024			X
27	Quyết định số 155/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh v/v giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố để triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.	13/3/2024			X
28	Kế hoạch số 1212/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thực hiện đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;	20/3/2024			X

29	Kế hoạch số 1489/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH-CN&ĐMST) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024	5/4/2024			X
30	Kế hoạch số 72/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 343-KH/TU ngày 30/9/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	21/02/2025			X
31	Kế hoạch 499/KH-UBND của UBND tỉnh V/v Thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025.	07/02/2025			X
32	Kế hoạch số 566/KH-UBND của UBND tỉnh V/v Thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	12/02/2025			X
33	Kế hoạch số 567/KH-UBND của UBND tỉnh V/v Tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025.	12/02/2025			X
34	Kế hoạch số 572/KH-UBND của UBND tỉnh V/v Triển khai Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	13/02/2025			X
35	Kế hoạch số 1129/KH-UBND của UBND tỉnh V/v Triển khai thực hiện một số nội dung Kế hoạch số 3816/KH-UBND ngày 02/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025	18/3/2025			X
36	Kế hoạch số 5567/KH-UBND ngày 23/6/2021 về tổng thể nâng cao NSCL trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025	23/6/2021			X
37	Kế hoạch số 14032/KH-UBND ngày 09/12/2024 xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh	9/12/2024			X
38	Kế hoạch số 6039/KH-UBND ngày 20/5/2025 phân công phối hợp các cơ quan, đơn vị trong việc lập Kế hoạch xây dựng TCVN cho sản phẩm yến sào trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	20/5/2025			X

39	Báo cáo số 245/BC-UBND 23/07/2024 tình hình triển khai công tác quản lý Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo yêu cầu của Đoàn công tác TB Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về khảo sát phục vụ thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	23/7/2024			X
40	Kế hoạch số 242-KH/TU ngày 17/12/2024 Triển khai Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo	17/12/2024	X		
41	Kế hoạch số 2704/KH-UBND ngày 10/3/2025 triển khai Chỉ thị 38-CT/TW	10/3/2025			X
42	Kế hoạch số 8763/KH-UBND ngày 29/8/2019 triển khai Đề án 996	29/8/2019			X
43	Kế hoạch số 2620/KH-UBND ngày 24/3/2022 triển khai Đề án 996	24/3/2022			X
44	Kế hoạch số 13091/KH-UBND ngày 29/12/2022 triển khai Đề án 996	29/12/2022			X
45	Kế hoạch số 1171/KH-UBND ngày 30/01/2024 triển khai Đề án 996	30/01/2024			X
46	Kế hoạch 958/KH-UBND ngày 21/01/2025 triển khai Đề án 996	21/01/2025			X
II LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
1	Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định một số nội dung và mức hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025.	9/4/2021			X
2	Kế hoạch số 1275KH-UBND ngày 29/3/2022 về việc ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2022-2025	29/3/2022			X
3	Kế hoạch số 1714/KH-UBND, ngày 23/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hỗ trợ ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025	23/4/2022			X
4	Kế hoạch 1276/KH-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030, thực hiện năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	29/3/2022			X
5	Kế hoạch 1938/KH-UBND, ngày 09/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2022	9/5/2022			X
6	Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 về việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	10/1/2022		X	

7	Chương trình hành động số 108-CTr/BCSD ngày 23/02/2022 thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	23/02/2022	X		
8	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND Quy định một số nội dung, mức chi cụ thể cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà	15/11/2022		X	
9	Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND Quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà	15/11/2022		X	
10	Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	15/11/2022		X	
11	Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 09/02/2023 Triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	9/2/2023			X
12	Kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 09/02/2023 hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023	9/2/2023			X
13	Kế hoạch số 678/KH-UBND ngày 28/02/2023 Triển khai thực hiện đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2023	28/02/2023			X
14	Kế hoạch số 1332/KH-UBND ngày 07/4/2023 Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023	7/4/2023			X
15	Kế hoạch số 1091/KH-BCHUPSC ngày 24/3/2023 của Ban chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân triển khai Kế hoạch số 3816/KH-UBND ngày 02/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023	24/3/2023			X
16	Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 về Ban hành “Chương trình triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung cho khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.	4/7/2023			X
17	Kế hoạch số 3537/KH-UBND ngày 24/8/2023 Triển khai Chương trình phối hợp hoạt động về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2023-2030	24/8/2023			X
18	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Công nhận sáng kiến cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023	11/9/2023			X

19	Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Thuận	13/10/2023			X
20	Quyết định 71/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt và cấp phép các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	26/9/2023			X
21	Quyết định số 497/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung danh mục nhiệm vụ KH&CN năm 2023 xây dựng đề án Trung tâm Nghiên cứu Quốc gia về Công nghệ Đại dương.	7/3/2023			X
22	Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND quy định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	7/12/2023		X	
23	Quyết định số 1013/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2024.	17/4/2024			X
24	Chương trình hành động số 60-CTr/TU về triển khai thực hiện Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;	19/7/2023	X		
25	Kế hoạch số 10419/KH-UBND của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 60-CTr/TU ngày 19/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	10/10/2023			X
26	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Ninh Thuận ban hành định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định một số nội dung, mức chi hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	21/7/2023		X	
27	Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 “Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.	23/5/2024			X
28	Kế hoạch số 8027/KH-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 78-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về “tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”	23/7/2024			X
29	Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	14/8/2024			X

30	Quyết định 82/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc bãi bỏ một phần Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	7/10/2024			X
31	Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;	5/5/2025			X
32	Kế hoạch số 414-KH/TU của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương trong tháng 6/2025 và 6 tháng cuối năm 2025	45722	X		
33	Kế hoạch số 403-KH/TU của Tỉnh ủy về việc Hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh	29/4/2025	X		
34	Kế hoạch số 2163/KH-UBND Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 403-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	18/5/2025			X
35	Kế hoạch số 1128/KH-UBND về việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025	18/3/2025			X
36	Kế hoạch số 705/KH-UBND về việc Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025.	21/02/2025			X
37	Kế hoạch số 706/KH-UBND về việc Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	21/02/2025			X
38	Kế hoạch số 677/KH-UBND về việc Triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	19/02/2025			X
39	Nghị quyết số 48-NQ/TU của ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	20/02/2025			

40	Quyết định số 512/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW	21/02/2025			X
41	Quyết định số 1689/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	19/6/2025			X

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ QUỐC GIA VỀ KH&CN
VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG,
ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)	Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)		
Giai đoạn 2021- 2025	0		0	0	
Năm 2021					
		Tài trợ			
		Cho vay			
		Bảo lãnh vốn vay			
				
Năm 2022	0		0	0	

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2026
CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH (NẾU CÓ)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Hiện trạng (Có QĐ danh mục/kinh phí, danh mục dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự toán năm 2026	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2026	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4-5-6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	Tổng cộng			15,660.00	5,324.00	1,200.00	1,700.00	2,424.00	3,200.00	-	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2026			4,400.00	1,200.00	1,200.00	-	-	3,200.00		
I.1	Nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí SNKHCN			4,400.00	1,200.00	1,200.00	-	-	3,200.00	-	
a	Nhiệm vụ KHCN			4,400.00	1,200.00	1,200.00	-	-	3,200.00	-	
	<i>Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nha Đam</i>	QĐ1056/QĐ- UBND ngày 01/8/2022	2022- 2025	4,400.00	1,200.00	1,200.00			3,200.00		Viện Thổ nhưỡng Nông

	<i>của tỉnh Ninh Thuận</i>										hóa
b	Nhiệm vụ ĐMST										
	<i>Nhiệm vụ 1...</i>										
c	Nhiệm vụ CDS										
	<i>Nhiệm vụ 1...</i>										
I.2	Nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí từ các lĩnh vực chi khác										
a	Nhiệm vụ KHCN										
	<i>Nhiệm vụ 1...</i>										
b	Nhiệm vụ ĐMST										
	<i>Nhiệm vụ 1...</i>										
c	Nhiệm vụ CDS										
	<i>Nhiệm vụ 1...</i>										
II	Nhiệm vụ mở mới năm 2026[1]			11,260	4,124	-	1,700	2,424	-	-	
a	Nhiệm vụ KHCN			11,260	4,124	-	1,700	2,424	-	-	
	<i>Đăng ký bảo hộ và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm muối (Muối thô) của tỉnh Ninh Thuận</i>	QĐ phê duyệt danh mục: Số 3153/QĐ-BKHCN ngày 21/12/2023 của Bộ KHCN	2026	3,000	3,000		1,200	1,800			Viện Thổ nhưỡng

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHCN, ĐMST & CDS CẤP BỘ, CẤP TỈNH NĂM 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Hiện trạng (Có QĐ danh mục/kinh phí, danh mục dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN				Nguồn khác		
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự toán năm 2026	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2026	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4-5-6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	Tổng cộng			190,385.701	164,753.848	61,812.339	47,784.854	64,067.077			
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2026			116,043.701	99,811.848	61,812.339	23,884.854	10,025.077			
I.1	Nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí SNKHCN			114,543.701	98,311.848	61,662.339	23,084.854	9,475.077			
<i>a</i>	Nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh			108,386.184	92,227.151	60,812.339	18,686.157	8,639.077			37,086.157
	NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			87,945.346	73,701.551	50,048.409	15,012.390	8,639.077			

1	Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá mú trên châu (♀Epinphelus fuscoguttatusx ♂ E. lanceolatus) bằng thức ăn công nghiệp tại Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt: số 3397/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	40 tháng	1,583.907	1,161.657	644.834	516.823	0			Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III
2	Ứng dụng công nghệ “sông trong ao” để nuôi cá biển tại Khánh Hòa	739/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	30 tháng	5,271.814	2,056.520	2,056.520	0.000	0			Trung tâm Khuyến nông
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Tai bò (Platax teira Forsskal, 1775) tại Khánh Hòa	3178/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	30	2,026.130	1,238.200	1,238.200	0.000	0			
4	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá hồng đồ (Lutjanus malabaricus Bloch & Schneider, 1801) tại Khánh Hòa	3427/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	30	2,266.193	1,322.048	1,322.048	0.000	0			
5	Đánh giá khả năng sinh sản của bò cái lai Zebu khi được phối tinh với bò đực BBB, bò đực Senepol và khả năng sinh trưởng của con lai F1 tại Khánh Hòa	2396/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	36	9,415.649	1,813.319	1,813.319	0.000	0			
6	Nghiên cứu ứng dụng bóng cắt (cutting balloon) trong can thiệp tổn thương mạch vành canxi hoá	193/QĐ-SKHCN ngày 04/11/2022	30	993.795	993.795	993.795	0.000	0			
7	Nghiên cứu các biện pháp canh tác thích hợp nhằm nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	QĐ số 2505/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	36 tháng	1,501.602	1,155.167	1,040.000	115.167	0			Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nhà Hồ

8	Hoàn thiện quy trình và xây dựng mô hình sản xuất cây chuối mốc phù hợp với điều kiện canh tác tại Khánh Hòa	QĐ số 2627/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	36 tháng	2,169.596	1,511.383	1,196.076	315.306	0			Trung tâm TT&UD KHCN Khánh Hòa
9	Đánh giá hiện trạng tài nguyên các loài nấm lớn và bảo tồn, phát triển một số loài có giá trị tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa	QĐ số 2840/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	36 tháng	1,178.412	1,178.412	750.000	428.412	0			Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà
10	Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển cây cam Soàn (Citrus sinensis L.) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	QĐ số 417/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	36 tháng	1,043.976	826.400	704.852	121.548	0			Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
11	Xây dựng mô hình trồng nho gắn với phát triển du lịch nông nghiệp tại thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa	QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	36 tháng	1,232.999	1,056.335	900.000	156.335	0			Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ
12	Thử nghiệm tạo rạn nhân tạo gắn với du lịch sinh thái biển và nghề cá giải trí tại khu vực phía Tây Hòn Mun, vịnh Nha Trang.		36 tháng	3,299.908	2,793.110	1,300.000	850.000	643.110			Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - chi nhánh ven biển
13	Hoàn thiện quy trình sản xuất giống nhân tạo và xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá gáy Lethrinus nebulosus (Forsskål, 1775) tại Khánh Hòa	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 08/7/2025	31 tháng	2,274.042	1,517.762	190.000	900.000	427.762			Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN

14	Xây dựng quy trình phòng trừ tổng hợp hiệu quả một số loại sâu, bệnh hại chính trên cây măng tây xanh tại Ninh Thuận	Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024	24 tháng	1,640.000	1,167.000	650.000	516.000	0.000		473.430	
15	Xây dựng mô hình sản xuất nho NH01-26 phục vụ du lịch nông nghiệp tại Ninh Thuận	Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	36 tháng	1,254.030	1,152.030	892.184	259.846	0.000	0.000	102.000	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ
16	Nghiên cứu tình trạng kém khoáng răng (Molar Incisor Hypomineralization - MIH) ở trẻ em 8-11 tuổi tỉnh Ninh Thuận để xây dựng và vận hành mô hình thử nghiệm điều trị MIH tại tỉnh Ninh Thuận		24 tháng	1,810.000	1,535.000	1,099.000	435.720	0.000		275.000	
17	Thu thập, bảo tồn và khai thác nguồn gen cây nho (Vitis spp.) phục vụ cho công tác chọn tạo giống, nghiên cứu khoa học và phát triển bền vững cây nho tại Ninh Thuận	Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	60 tháng	2,396.882	2,196.882	1,858.734	338.147	0	90.000	110.000	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ
18	Ứng dụng, nhân rộng và phát triển sản xuất tòi giống Phan Rang phục tráng tại huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	QĐ phê duyệt: 1531/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	24 tháng	1,647.501	913.749	695.949	217.800	0.000	0.000	733.752	Trường Đại học Văn Lang
19	Nghiên cứu ứng dụng giải pháp kỹ thuật cải tạo vườn điều kết hợp trồng xen cây dược liệu theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 20/4/2022	36 tháng (gia hạn 12 tháng)		1,450.667	1,450.667	0				Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN Khánh Hòa

20	- Bảo tồn nguồn gen cây Sa nhân tại tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	42 tháng (gia hạn 12 tháng)	1,655.238	1,655.238	1,655.238	0.000	0.000	0.000	0.000	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN Khánh Hòa
21	Ứng dụng công nghệ cao để nâng cao hiệu quả sản xuất dưa lưới theo hướng an toàn	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	20 tháng	1,744.000	1,379.000	1,379.000	0.000	0.000	365.118	0	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ
22	Ứng dụng nhân rộng và phát triển sản xuất giống bắp nếp bản địa mới chọn lọc tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận gắn với liên kết chuỗi tiêu thụ	Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	24 tháng	1,583.000	1,093.000	751.321	341.286	0.000	39.070	100.000	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ
23	Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến rượu hạt chuối từ chuối Cô đơn (Ensete glaucum (Roxb.) Cheesman) Phước Bình, Ninh Thuận	Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 28/ 8/ 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	Từ tháng 09/2023 đến tháng 08/2025	777.690	777.690	777.690	0.000	0.000			
24	Khai thác và phát triển nguồn gen Mạn kinh (Vitex rotundifolia L.f.) tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc tại tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/ 12/ 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	Từ tháng 12/2021 đến tháng 05/2025	2,397.911	2,397.911	2,397.911	0.000	0.000			
25	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số nguồn gen Thanh thiên quỳ (Nervilia spp.) tại tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 15/ 12/ 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	Từ tháng 3/2022 đến tháng 02/2025	2,092.250	2,092.250	2,092.250	0.000	0.000			

26	Địa chỉ Ninh Thuận	Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 20/ 12/ 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	Từ tháng 12/2023 đến tháng 03/2025	9,992.998	9,992.998	9,992.998	0.000	0.000				
27	Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong canh tác và công nghệ sinh học trong bảo quản sau thu hoạch góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả củ tỏi (<i>Allium sativum</i> L.) tại tỉnh Ninh Thuận	QĐ phê duyệt: 1147/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	36 tháng	1,118.506	1,118.506	1,118.506	0.000	0.000				Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
28	Bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn gen bò Tót lai F1 giữa bò cái nhà (<i>Bos taurus</i>) và bò tót đực (<i>Bos gaurus</i>), giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 08/5/ 2021	60 tháng từ 01/2021-12-2025	2,623.077	2,623.077	2,623.077	0.000	0.000	0.000	0.000		- Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình
29	Bảo tồn nguồn gen nấm Quế linh chi (<i>Humphreya endertii</i>) có nguồn gốc từ Vườn Quốc Gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 03/12/ 2021	36 tháng từ 12/2021-11/2024 (gia hạn đến tháng 12/2025)	2,334.960	2,334.960	2,334.960	0.000	0.000	0.000	0.000		- Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình
30	Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen 14 giống xương rồng Nopal (<i>Opuntia</i> Spp.) tại tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 14/5/ 2021	60 tháng từ 01/2021-12/2025	1,319.280	1,279.280	1,279.280	0.000	0.000	40.000	0.000		Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN Khánh Hòa

31	Điều tra, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng, yếu tố liên quan và đề xuất các mô hình, công nghệ nuôi biển phù hợp tại vùng quy hoạch nuôi biển của tỉnh Ninh Thuận (Chờ họp xét phí)	QĐ phê duyệt danh mục: 1111/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	18 tháng	kinh phí dự kiến: 1597.322	1,597.322	300.000	800.000	497.322			Viện Hải Dương học
32	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chạch lấu (<i>Mastacembelus favus</i>) hiệu quả, phù hợp với điều kiện huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (Chờ họp xét phí)	QĐ phê duyệt danh mục: 875/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	16 tháng	kinh phí dự kiến: 1708.583	1,309.783	300.000	800.000	209.783		398.800	Trung tâm Công nghệ sinh học TP. HCM
33	Hoàn thiện quy trình, xây dựng mô hình công nghệ chế biến nhằm đa dạng hoá các sản phẩm từ quả táo Ninh Thuận (Chờ họp xét phí)	QĐ phê duyệt danh mục: 875/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	18 tháng	kinh phí dự kiến: 2,408.300	1,411.100	400.000	800.000	211.100		997.200	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
34	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo cá mú cà chua <i>Cephalopholis sonnerati</i> (Valenciennes, 1828) tại Khánh Hòa.	274/QĐ-UBND ngày 09/7/2025		3,850	3,850	300	1,500	2,050.000			
35	Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá sù đất (<i>Protonibea diacanthus</i>) cỡ lớn nhằm gia tăng giá trị kinh tế.	213/QĐ-UBND ngày 07/7/2025		2,800	2,500	200	1,000	1,300.000			
36	Nghiên cứu sử dụng công nghệ CRISPR/Cas9 tạo giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) có tỉ lệ cơ thịt cao.	227/QĐ-UBND ngày 08/7/2025		1,800	1,800	200	800	800.000			
37	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm sò lông nhung <i>Anadara antiquata</i> (Linnaeus 1758) tại tỉnh Khánh Hòa	272/QĐ-UBND ngày 09/7/2025		1,200	1,200	200	700	300.000			

38	Ứng dụng sản phẩm chiết xuất từ cây cà gai leo (Solanum procumbens Lour) để kích thích sinh trưởng và phòng bệnh nhiễm khuẩn trên cá chim (Trachinotus spp.) nuôi tại tỉnh Khánh Hòa.	224/QĐ-UBND ngày 08/7/2025		2,500	1,500	200	700	600.000			
39	Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và trồng thương phẩm loài rong câu chân vịt (Hydropuntia euchematoides) tại tỉnh Khánh Hòa.	229/QĐ-UBND ngày 08/7/2025		1,500	1,500	200	800	500.000			
40	Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh cây mía tại tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 11/7/2025	24 tháng	1,200	800	150	400	250.000			
41	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài Trà (Camellia spp.) phân bố tự nhiên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà và khu vực lân cận.	226/QĐ-UBND ngày 08/7/2025	36 tháng	1,500	1,500	200	700	600.000			
42	Nghiên cứu hiệu quả điều trị bằng oxy cao áp trong mối liên quan đến sự thay đổi hình ảnh cộng hưởng từ ở bệnh giảm áp thê thần kinh trên địa bàn các tỉnh ven biển Nam Trung bộ	Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 04/7/2025		950	950	200	500	250.000			
NHIỆM VỤ XÃ HỘI NHÂN VĂN				10,463	8,548	6,710	1,338	0		214.108	
1	Xây dựng và vận hành thử nghiệm mô hình du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	24 tháng	1,941.254	1,727.146	1,133.051	594.095	0.000	0.000	214.108	Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam
2	Xây dựng đề án phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	15 tháng	1,916.918	1,916.918	1,172.600	244.318	0.000	-	-	Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng

3	Giải pháp chuyển đổi số phục vụ nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến 2030 và những năm tiếp theo	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	24 tháng	1,951.700	1,951.700	1,451.630	500.070	0.000	-	-	Viện Công nghệ thông tin - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt
4	Nghiên cứu đề xuất mô hình triển khai loại hình du lịch kết hợp khám - chữa bệnh dựa trên nền tảng công nghệ tại tỉnh Khánh Hòa	469/QĐ-UBND ngày 02/3/2023		2,357.201	656.071	656.071	0.000	0.000			Trường Đại học Thông tin liên lạc
5	Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa	82/QĐ-SKHHCN ngày 28/3/2024	18 tháng	827.178	827.178	827.178					Trường Chính trị tỉnh
6	Hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015- 2022 và giải pháp giai đoạn 2023 - 2030.	175/QĐ-SKHHCN ngày 03/11/2023	24 tháng	794.992	794.992	794.992					Trường Chính trị tỉnh
7	Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa tâm linh trên huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.	176/QĐ-SKHHCN ngày 06/11/2023	24 tháng	674.129	674.129	674.129					Học viện Hải quân
	NHIỆM VỤ SỞ HỮU TRÍ TUỆ			9,977	9,977	4,054	2,335	0	0	0	
1	“Khai thác, quản lý và phát triển sản phẩm mang NHTT “Táo Ninh Thuận”, “Mãng tây Tuấn Tú” theo chuỗi giá trị gắn với an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang NHTT được bảo hộ”;	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03/01/ 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	01/2025-6/2026	1,649.617	1,649.617	650.000	999.617	0.000			Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Nghiên cứu phát triển

2	“Khai thác, quản lý và phát triển sản phẩm mang NHCN “Nước mắm since 1940 Cà Ná FISH SAUCE thơm ngon”, “Rong sụn Ninh Thuận” theo chuỗi giá trị gắn với an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang NHCN được bảo hộ”;	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 03/01/ 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	01/2025-6/2026	1,602.611	1,602.611	600.000	1,002.611	0.000			Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Nghiên cứu phát triển
3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm đặc thù của tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 12/ 12/ 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	20 tháng, từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 7 năm 2026.	3,137.335	3,137.335	2,804.279	333.056	0.000			Viện Địa lý
4	Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm phục vụ việc giới thiệu, quảng bá, xây dựng tem truy xuất nguồn gốc cho 05 sản phẩm OCOP của 05 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận	15 tháng, từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 5 năm 2026.	1,505.28	1,505.28	1,505.28	0	0			Công ty TNHH Nghiên cứu và Đầu tư S & D
5	Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Bưởi da xanh, Mía tím được trồng trên địa bàn huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh	28 tháng	1,147.925	1,147.925	1,000.000	147.925	0			Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK;
6	Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Tỏi Vạn Ninh và Dừa xiêm Tuần Lễ - Vạn Thọ được trồng trên địa bàn huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 162/QĐ-SKHCHN ngày 20/10/2023	24 tháng	934.703	934.703	800	134.703	0			Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN
b	Nhiệm vụ ĐMST			5,686	5,686	600	4,250	836			

I.3	Nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW			1,500	1,500	150	800	550			
	Nhiệm vụ KHCN			1,500	1,500	150	800	550			
1	Điều tra, thu thập dữ liệu để xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê cơ bản về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	24 tháng	1,500	1,500	150	800	550			
	Nhiệm vụ ĐMST										
	Nhiệm vụ CĐS										
II	<u>Nhiệm vụ mở mới năm 2026[1]</u>			74,342	64,942	0	23,900	54,042	0	0	
a	Nhiệm vụ KHCN			55,280	45,880		18,400	27,480			
LĨNH VỰC KHCN				43,180	34,780		14,000	20,780			
1	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý và hỗ trợ ra quyết định vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo thời gian thực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	2026 đến 2028	3,500	2,900		1,000	1,900			
2	Đề tài: Nghiên cứu phát triển một số vùng canh tác hữu cơ tại Ninh Thuận	như trên	2026 đến 2028	3,000	3,000		1,000	2,000			
3	Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi con lai giữa heo Cỏ Bình Thuận và heo đen Nhật Bản (Kagoshima Berkshire) gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	như trên	2026 đến 2028	5,000	1,500		1,000	500			
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát hiện sớm và phân tích nguy cơ bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại tỉnh Khánh Hòa		24 tháng	1,800	1,800		800	1,000			

5	Đánh giá trữ lượng các-bon xanh trong các hệ sinh thái vùng ven biển tỉnh Khánh Hòa.	358/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	24 tháng	2,000	2,000		500	1,500			
6	Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong lồng bằng thức ăn công nghiệp trên biển tại Khánh Hòa.	372/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	24 tháng	1,800	1,200		500	700			
7	Hoàn thiện công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp cho ốc hương <i>Babylonia areolata</i>	406/QĐ-UBND ngày 24/7/2025	24 tháng	5,000	3,000		1,000	2,000			
8	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh để kéo dài thời gian trồng rong nho trong năm tại Khánh Hòa	427/QĐ-UBND ngày 25/7/2025	24 tháng	2,000	2,000		700	1,300			
9	Nghiên cứu ứng dụng vi khuẩn <i>Bdellovibrio</i> và các vi khuẩn săn mồi tương tự (BALOs) trong kiểm soát <i>Vibrio</i> spp. gây bệnh ở cá biển nuôi tại Khánh Hòa.	373/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	24 tháng	1,200	1,200		500	700			
10	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống RAS trong ương nâng cấp giống cá chim vây vàng và cá mú.	359/QĐ-UBND ngày 21/7/2025		2,000	2,000		800	1,200			
11	Nghiên cứu ứng dụng mở khí quản bằng phương pháp nông qua da có hướng dẫn của siêu âm;	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 18/7/2025		1,400	1,200		500	700			
12	Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết sản xuất và chế biến cây cao lương gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa bản địa tại tỉnh Khánh Hòa.	338/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	36 tháng	3,000	3,000		1,200	1,800			
13	Bảo tồn và phát triển giống xoài Canh Nông tại tỉnh Khánh Hòa	346/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	36 tháng	3,000	2,500		1,000	1,500			
14	Nghiên cứu so sánh hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật lấy thai của phương pháp gây tê khoang cơ vuông thắt lưng và mặt phẳng cơ ngang bụng;	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 21/7/2025		500	500		200	300			

15	Hoàn thiện quy trình sản xuất hệ enzyme lên men tự nhiên từ các loại trái cây trồng tại Khánh Hòa theo mô hình kinh tế tuần hoàn, định hướng ứng dụng trong lĩnh vực thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	18 tháng	1,800	1,300	700	600			
16	Nghiên cứu phương pháp can thiệp kết hợp bóng phủ thuốc và stent phủ thuốc trong điều trị tổn thương động mạch vành nguyên phát	Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 22/7/2025		980	980	400	580			
17	Nghiên cứu so sánh hiệu quả điều trị và chi phí trực tiếp giữa phương pháp lọc màng bụng và chạy thận nhân tạo ở bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn cuối	Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 23/7/2025		500	500	200	300			
18	Nghiên cứu sản xuất vắc xin bạch hầu - uốn ván - ho gà vô bào giảm liều (Tdap) quy mô pilot	Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	24 tháng	2,200	2,200	1,000	1,200			
19	Nghiên cứu sản xuất hai loại huyết thanh tinh chế kháng nọc rắn Chàm quạp (<i>Calloselasma rhodostoma</i>) và Cạp nia Bắc (<i>Bungarus multicinctus</i>) dạng đông khô	Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	24 tháng	2,500	2,000	1,000	1,000			
LĨNH VỰC XÃ HỘI NHÂN VĂN					12,100	11,100	4,400	6,700		
1	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút nuôi biển công nghệ cao của hộ gia đình, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	228/QĐ-UBND ngày 08/7/2025	24 tháng	2,000	2,000	800	1,200			
2	Phát triển du lịch gắn với sự kiện âm nhạc tại Khánh Hòa	QĐ số 225/QĐ-UBND ngày 8/7/2025	24 tháng	600	600	200	400			
3	Phát triển logistics tỉnh Khánh Hòa thành trung tâm dịch vụ logistics vùng Nam Trung Bộ giai đoạn 2026-2030.		18 tháng	2,000	2,000	700	1,300			

4	Nghiên cứu ứng dụng tiêu chuẩn dịch vụ du lịch thân thiện với người Hồi giáo trong phát triển du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.		24 tháng	3,000	2,000		700	1,300			
5	Đề tài: Xây dựng mô hình Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với du lịch, mang tính đặc thù của người dân tộc thiểu số tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	2026 đến 2027	2,500	2,500		1,000	1,500			
6	Đề tài: Xây dựng mô hình bảo vệ và phát huy văn hóa âm thực của tỉnh Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch.	Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	2026 đến 2028	2000	2000		1000	1000			
<i>b</i>	Nhiệm vụ ĐMST			9,062	9,062		2,000	20,062			
1	Xây dựng, vận hành thử nghiệm không gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Thuận	- QĐ phê duyệt danh mục: Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 07/5/2024;	30 tháng	9,062	9,062		2,000	7,062			Trường Đại học Công nghiệp
<i>c</i>	Nhiệm vụ CDS										
<i>d</i>	Nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW			10,000.00	10,000.00		-	3,500.00	6,500.00	-	-
	<i>Nhiệm vụ KHCN</i>										
	<i>Nhiệm vụ ĐMST</i>										
	<i>Nhiệm vụ CDS</i>			<i>10,000.00</i>	<i>10,000.00</i>		<i>-</i>	<i>3,500.00</i>	<i>6,500.00</i>	<i>-</i>	
1	Xây dựng nền tảng số về tiêu chuẩn đo lường chất lượng			5,000.00	5,000.00		1,500.00	3,500.00			
2	Xây dựng và triển khai đề án truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển KHCN, ĐMST và CDS			5,000.00	5,000.00		2,000.00	3,000.00			

TỔNG HỢP KINH PHÍ KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KP SNKH ĐƯỢC GIAO NĂM 2025	KINH PHÍ KHCN THỰC HIỆN NĂM 2025			
			TỔNG KP THỰC HIỆN	KP SNKH GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6	KP SNKH DỰ KIẾN GIẢI NGÂN 1/7-31/12	KP CHO KHCN TỪ CÁC LĨNH VỰC CHI KHÁC
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)= (3)+(4)+(5)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Kinh phí KHCN, ĐMST&CDS (A+B)	4,938	3,892	280	1,212	2,400
A	Chi thường xuyên	4,938	3,892	280	1,212	2,400
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý – nếu có)	0	0	0	0	0
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	4,938	3,892	280	1,212	2,400
1	Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy	0	0	0	0	0
2	Chi nhiệm vụ cấp Bộ	0	0	0	0	0
3	Nhiệm vụ KH&CN được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	0	0	0	0	0
4	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	0	0	0	0	0
5	Các hoạt động KH&CN khác...	0	0	0	0	0
*	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	4,938	3,892	280	1,212	2,400
-	Bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức ở cấp tỉnh, cấp xã thực hiện nhiệm vụ mới được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	0	400		400	
-	Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước	296	183	22	161	
-	Hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	438	276	63	213	
-	Hoạt động xây dựng quy chuẩn	2,981	2,400	0	0	2,400

	kỹ thuật địa phương					
-	Công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng	51	25	19	6	
-	Công tác quản lý đo lường	10	10	1	9	
-	Công tác kiểm tra, kiểm soát	422	331	75	256	
-	Hoạt động thực thi về TBT trong các điều ước quốc tế tại Khánh Hòa	73	5	5	0	
-	Triển khai Đề án 996	83	83	15	68	
-	Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” (theo Kế hoạch số 622/KH-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận cũ)	18	12	0	12	
-	Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo Kế hoạch số 4009/KH-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận cũ)	92	92	50	42	
-	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến VBPLPL về chất lượng cho DN	43	13	9	4	
-	Bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ TCĐLCL	116	62	21	41	
-	Triển khai thực hiện một số nội dung Kế hoạch số 3816/KH-UBND ngày 02/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025 (Lĩnh vực An toàn bức xạ)	316	0	0	0	
B	Chi đầu tư phát triển	0	0	0	0	0

DỰ TOÁN KINH PHÍ KH&CN, ĐMST&CDS NĂM 2026

Số	NỘI DUNG	KINH PHÍ KH&CN THỰC HIỆN NĂM 2025	DỰ TOÁN KINH PHÍ KH&CN NĂM 2026[1]
	Kinh phí KH&CN, ĐMST&CDS (A+B)	3,892	2,179
A	Chi thường xuyên (I+II)	3,892	2,179
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý – nếu có)	-	-
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	3,892	2,179
1	Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy	0	0
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng Chính phủ giao		
4	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW		
a	<i>Nhiệm vụ KH&CN</i>		
b	<i>Nhiệm vụ ĐMST</i>		
5	Các hoạt động KH&CN khác...	3,892	2,179
	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	3,892	2,179
	Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn Luật; Nghị định 132/2025, Nghị định 133/2025, TT07/2025 về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã	400	650
	Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước	182.87	122
	Hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	275.95	425
	Hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	2400	0

	Công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng	25.29	51
	Công tác quản lý đo lường	10	15
	Công tác kiểm tra, kiểm soát	330.75	440
	Hoạt động thực thi về TBT trong các điều ước quốc tế tại Khánh Hòa	5	6
	Triển khai Đề án 996	83.42	370
	Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” (theo Kế hoạch số 622/KH-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận cũ)	11.8	0
	Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo Kế hoạch số 4009/KH-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận cũ)	91.68	0
	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến VBPLPL về chất lượng cho DN	13	50
	Bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ TCĐLCL, Quản lý nhà nước về KHCNĐMST&CĐS	61.97	50
	Triển khai thực hiện một số nội dung Kế hoạch số 3816/KH-UBND ngày 02/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025 (Lĩnh vực An toàn bức xạ)	0	0
B	Chi đầu tư phát triển	<i>0</i>	<i>0</i>

TỔNG HỢP KINH PHÍ KHCN, ĐMST&CDS NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KP SNKH TW THÔNG BÁO NĂM 2025	KP UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2025	KINH PHÍ KHCN THỰC HIỆN NĂM 2025			
				TỔNG KP THỰC HIỆN	KP SNKH GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6	KP SNKH DỰ KIẾN GIẢI NGÂN 01/7-31/12	KP CHO KHCN TỪ CÁC LĨNH VỰC CHI KHÁC
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5) 6	(4)	(5)	(6)
A	Kinh phí KHCN, ĐMST & CDS (I+II)	58,817	278,317	254,917	106,712	175,345	0
I.	Chi thường xuyên	58,817	88,315	64,915	17,391	47,525	0
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)	0	308	308	0	308	0
	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nha Đam của tỉnh Ninh Thuận	0	308	308	0	308	0
2	Chi nhiệm vụ KH&CN	0	26,030	16,236	6,964	2,400	
a	Nhiệm vụ KHCN		25,280	15,836	6,964	2,000	0
b	Nhiệm vụ ĐMST		750	400	0	400	
3	Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy		0	0	0	0	
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		11,028	7,055	1,142	5,913	
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng		4,440	2,796	210	2,586	-
	Sở hữu trí tuệ		3,758	2,467	504	1,962	
	Thông tin và thống kê KH&CN		206	164	92	72	
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân		1,272	732	22	709	
	Đào tạo, tập huấn		1,030	718	289	429	

	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN		-	-	-	-	
	Thanh tra KH&CN		222	103	-	103	
	Hợp tác quốc tế		100	75	25	50	
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN		-	-	-	-	
5	Chi các đơn vị sự nghiệp		4,479	4,239	1,590	2,649	
6	Công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN		100	50	-	50	
7	Chi khác		11,424	8,512	3,453	5,059	
8	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW		-	150	-	150	
9	Kinh phí sự nghiệp CNTT		34,947	28,365	4,241	24,124	
II.	Chi đầu tư phát triển		190,002	190,002	89,321	127,820	

DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN, ĐMST&CDS NĂM 2026

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ KHCN THỰC HIỆN NĂM 2025	DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN NĂM 2026[1]
A	B	(1)	(2)
	Kinh phí KHCN, ĐMST & CDS (I+II)	155,117.40	346,062.97
I.	Chi thường xuyên	64,915.40	136,062.97
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)	308.00	1,700.00
	<i>Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Nha Đam của tỉnh Ninh Thuận</i>	308.00	-
	<i>Đăng ký bảo hộ và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm muối (Muối thô) của tỉnh Ninh Thuận</i>		1,200.00
	<i>Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên đất, nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững tỉnh Ninh Thuận</i>		500.00
2	Chi nhiệm vụ KH&CN	16,236.00	43,484.85
a	<i>Nhiệm vụ KHCN</i>	15,836.00	37,234.85
b	<i>Nhiệm vụ ĐMST</i>	400.00	6,250.00
3	Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy	-	
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	7,054.96	6,789.61
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng	2,796.43	2,179.00
	Sở hữu trí tuệ	2,466.58	2,617.91
	Thông tin và thống kê KH&CN	164.00	
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	731.67	1,242.70
	Đào tạo, tập huấn	718.08	300.00
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN	-	100.00
	Thanh tra KH&CN	103.20	
	Hợp tác quốc tế	75.00	150.00
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN	-	200.00
5	Chi các đơn vị sự nghiệp	4,239.00	4,846.00
6	Công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN	50.00	100.00

7	Chi khác	8,512.05	9,932.50
8	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	150.00	4,300.00
9	Kinh phí sự nghiệp CNTT	28,365.40	64,910.00
II	Chi đầu tư phát triển	90,202.00	210,000.00
1	Dự án Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 01)	31,589.00	-
2	Dự án Chuyển đổi số Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	58,613.00	
3	Dự án Xây dựng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	-	15,000.00
4	Dự án Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	-	15,000.00
5	Dự án Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa	-	30,000.00
6	Dự án Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	-	150,000.00